

UBND HUYỆN CẦN GIỜ  
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 71 /BC-GDĐT

Cần Giờ, ngày 11 tháng 01 năm 2024

**BÁO CÁO**

**Sơ kết học kì I giáo dục tiểu học - Năm học: 2023 - 2024**

Thực hiện theo văn bản của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn sơ kết học kì I năm học 2023 – 2024 cấp tiểu học.

Căn cứ hướng dẫn văn bản số 2047/ GDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2023-2024 và kết quả thực hiện nhiệm vụ trong HKI của các đơn vị; Phòng Giáo dục và Đào tạo sơ kết kết quả thực hiện ở HKI từng nội dung như sau:

**I. THỰC TRẠNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC**

**1. Quy mô trường, lớp, học sinh năm học 2023 – 2024**

| Đơn vị        | Trường học                 |                              | Lớp học                 |                              | Học sinh               |                              | Ghi chú<br>(số lượng<br>tăng/giảm, so<br>với HKI 2022 -<br>2023) |
|---------------|----------------------------|------------------------------|-------------------------|------------------------------|------------------------|------------------------------|------------------------------------------------------------------|
|               | Số trường<br>(bao gồm NCL) | 2 buổi/n<br>gày<br>(tỉ lệ %) | Số lớp<br>(bao gồm NCL) | 2 buổi/<br>ngày<br>(tỉ lệ %) | Số HS<br>(bao gồm NCL) | 2 buổi/<br>ngày<br>(tỉ lệ %) |                                                                  |
| Huyện Cần Giờ | 16                         | 100                          | 204                     | 100                          | 5326                   | 100                          | Giảm 8 lớp<br>Giảm 590 HS                                        |

**2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên**

**2.1. Thực trạng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên**

| Tiểu học | Tổng số | Trình độ |         |         |          |           | Số lượng<br>thiếu |
|----------|---------|----------|---------|---------|----------|-----------|-------------------|
|          |         | Tiến sĩ  | Thạc sĩ | Đại học | Cao đẳng | Trung cấp |                   |
| CBQL     | 30      |          | 02      | 30      |          |           | 03                |
| GV       | 297     |          |         | 246     | 43       | 8         | 19                |

| Chuyên biệt | Tổng số | Trình độ |         |         |          |           | Số lượng<br>thiếu |
|-------------|---------|----------|---------|---------|----------|-----------|-------------------|
|             |         | Tiến sĩ  | Thạc sĩ | Đại học | Cao đẳng | Trung cấp |                   |
| CBQL        | 02      |          |         | 02      |          |           |                   |
| GV          | 10      |          |         | 6       | 1        | 3         |                   |

- Nguyên nhân thiếu CBQL: Cán bộ quản lý thiếu do nghỉ việc, mất.

- Nguyên nhân thiếu GV: Giáo viên còn thiếu do chuyển công tác, nghỉ hưu, tình giản biên chế, đặc biệt ở một số môn như Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật không tuyển dụng được do không có nguồn dự tuyển.

- Giải pháp đối với việc thiếu CBQL, GV:

+ Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp Phòng Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân huyện thực hiện quy trình bổ nhiệm đối với số cán bộ quản lý còn thiếu (đang thực hiện quy trình).

+ Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp Phòng Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân huyện tuyển dụng đối với số giáo viên còn thiếu. Bên cạnh đó, các trường sẽ hợp đồng giáo viên đối với giáo viên còn thiếu do không tuyển dụng được.

- Về giáo viên chưa đạt chuẩn:

| Tổng GV chưa đạt chuẩn | Số giáo viên đang đi học nâng chuẩn | Số giáo viên chưa đi học nâng chuẩn | Tỉ lệ |
|------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|-------|
| 55                     | 29                                  | 26                                  | 16.2% |

- Nguyên nhân GV chưa đi học nâng chuẩn: do không thuộc đối tượng học nâng chuẩn; do sức khỏe; do lớn tuổi điều kiện đi lại khó khăn và có nhu cầu tình giản biên chế.

- Giải pháp đối với GV chưa đi học nâng chuẩn: Vận động, tạo điều kiện cho giáo viên tham gia nâng chuẩn được đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

## **2.2. Công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng giáo viên để triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018**

*Về công tác bồi dưỡng Module cho giáo viên, cán bộ quản lý*

- CBQL và GV cốt cán

| NỘI DUNG | CBQL cốt cán       |            |                  | GV cốt cán         |            |                  |
|----------|--------------------|------------|------------------|--------------------|------------|------------------|
|          | Tham gia bồi dưỡng | Hoàn thành | Tỉ lệ hoàn thành | Tham gia bồi dưỡng | Hoàn thành | Tỉ lệ hoàn thành |
| Mô đun 1 | 3                  | 3          | 100%             | 20                 | 20         | 100%             |
| Mô đun 2 | 3                  | 3          | 100%             | 20                 | 20         | 100%             |
| Mô đun 3 | 3                  | 3          | 100%             | 20                 | 20         | 100%             |
| Mô đun 4 | 3                  | 3          | 100%             | 20                 | 20         | 100%             |
| Mô đun 5 | 3                  | 3          | 100%             | 20                 | 20         | 100%             |
| Mô đun 9 | 3                  | 3          | 100%             | 20                 | 20         | 100%             |
| Mô đun 6 | 3                  | 3          | 100%             | 20                 | 20         | 100%             |
| Mô đun 7 | 3                  | 3          | 100%             | 20                 | 19         | 95 %             |
| Mô đun 8 | 3                  | 3          | 100%             | 20                 | 19         | 95 %             |

- Bồi dưỡng CBQL, GV đại trà

| NỘI DUNG | Bồi dưỡng CBQL đại trà |            |                  |                | Bồi dưỡng Giáo viên đại trà |            |                  |                | Ghi chú |
|----------|------------------------|------------|------------------|----------------|-----------------------------|------------|------------------|----------------|---------|
|          | Tham gia bồi dưỡng     | Hoàn thành | Tỉ lệ hoàn thành | Chưa bồi dưỡng | Tham gia bồi dưỡng          | Hoàn thành | Tỉ lệ hoàn thành | Chưa bồi dưỡng |         |
| Mô đun 1 | 31                     | 31         | 100%             | 1              | 310                         | 310        | 100%             |                |         |
| Mô đun 2 | 32                     | 32         | 100%             | 1              | 298                         | 298        | 100%             | 3              |         |
| Mô đun 3 | 31                     | 31         | 100%             | 1              | 296                         | 296        | 100%             | 3              |         |
| Mô đun 4 | 29                     | 29         | 100%             | 1              | 286                         | 286        | 100%             | 3              |         |
| Mô đun 5 | 29                     | 29         | 100%             | 1              | 287                         | 287        | 100%             | 3              |         |
| Mô đun 9 | 29                     | 29         | 100%             | 1              | 286                         | 286        | 100%             | 3              |         |
| Mô đun 6 | 28                     | 28         | 100%             | 1              | 285                         | 285        | 100%             | 3              |         |
| Mô đun 7 | 27                     | 27         | 100%             | 1              | 282                         | 282        | 100%             | 3              |         |
| Mô đun 8 | 28                     | 28         | 100%             | 1              | 280                         | 280        | 100%             | 3              |         |

*Ghi chú:* Trong số CBQL và GV học đại trà có 2 CBQL và 9 GV của Trường CB Cần Thạnh (Từ mô đun 1 đến mô đun 9).

100% CBQL và GV tham gia đều hoàn thành mô đun 1,2,3,4,5,6,9. (mô đun 7 và mô đun 8 có 1 GVCC chưa hoàn thành)

- Tổng số GV cốt cán chưa hoàn thành: 2 GV (2 mô đun)
- Tổng số CBQL và GV chưa tham gia: 9 (1 CBQL chuyển từ Trường BDGD về trường tiểu học, 8 GV của các trường mới tuyển dụng và làm công tác phổ cập)

- Nguyên nhân:

- + GV chưa đạt là chưa tham gia đầy đủ khóa học.
- + CBQL và GV chưa tham gia học là: CBQL mới chuyển công tác từ trường BDGD về trường tiểu học (có tham gia quản lý và học trực tiếp một số mô đun) GV mới tuyển dụng, GV phụ trách công tác phổ cập chưa tham gia học.

- Giải pháp:

- + Các đơn vị, GV cốt cán tiếp tục hỗ trợ cho CBQL và GV để hoàn thành các mô đun.
- + CBQL và GV chưa tham gia được trên hệ thống (trực tuyến), các trường hỗ trợ cho CBQL, GV tự học theo tài liệu các mô đun đã có.

**\* Về công tác bồi dưỡng sử dụng sách giáo khoa lớp 4.**

- Phòng Giáo dục và Đào tạo Cần Giờ đã xây dựng và triển khai văn bản hướng dẫn các trường thực hiện bồi dưỡng, bồi dưỡng bổ sung cho cán bộ quản lý, giáo viên



sử dụng sách giáo khoa lớp 4 và bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa lớp 1, 2, 3 năm học 2023-2024:

+ Văn bản số 866/GDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Cần Giờ về Hướng dẫn lựa chọn, chuẩn bị bồi dưỡng giáo viên và cung ứng sách giáo khoa năm học 2023-2024;

+ Văn bản số 1050/GDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Cần Giờ về Bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa lớp 4 năm học 2023-2024.

- Chỉ đạo Hiệu trưởng các trường tiểu học xây dựng, lập kế hoạch tham gia hội thảo, bồi dưỡng, bồi dưỡng bổ sung cho cán bộ quản lý, giáo viên về sử dụng sách giáo khoa lớp 4 và bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa lớp 1, 2, 3 năm học 2023-2024 theo các công văn, kế hoạch hướng dẫn của các cấp.

- Lãnh đạo đã chỉ đạo, phân công chuyên viên theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ, giám sát các trường trong việc tham gia hội thảo, tự bồi dưỡng, tổ chức bồi dưỡng, tập huấn sử dụng sách giáo khoa lớp 4; đồng thời tổng hợp danh sách, thông tin cán bộ quản lý (CBQL) và giáo viên (GV) tham gia bồi dưỡng sử dụng sách giáo khoa lớp 4 các môn học/ hoạt động giáo dục gửi về Sở Giáo dục và Đào Tạo (Phòng GDTH) đúng tiến độ thời gian, theo yêu cầu của biểu mẫu trước ngày 25/5/2023 để dễ dàng, thuận lợi cho công tác tổ chức tập huấn sử dụng sách giáo khoa lớp 4 của Sở Giáo dục và Đào Tạo, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

- Cung cấp đầy đủ các nguồn tài liệu, sách giáo khoa,... từ Sở Giáo dục và Đào Tạo, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đến đội ngũ CBQL, GV trước khi tự bồi dưỡng nhằm mục đích phục vụ cho việc hiểu, nắm quan điểm, chủ trương và phương pháp tổ chức dạy và học của bộ SGK lớp 4 Chân trời sáng tạo để đội ngũ CBQL, GV chuẩn bị tâm thế khi tham gia tập huấn sử dụng SGK lớp 4 trong năm học 2023-2024.

- 16/16 trường tiểu học và 01 Trường Chuyên biệt Cần Thạnh đã thực hiện xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn, bồi dưỡng bổ sung cho CBQL, GV và cung ứng sách giáo khoa lớp 1, lớp 2, 3, 4 năm học 2023-2024 đúng tiến độ theo thời gian kế hoạch thống nhất chung của các cấp.

- Có 16/16 trường tiểu học và Trường CB Cần Thạnh tham gia tập huấn, đạt tỉ lệ 100% CBQL, GV dạy nhiều môn, GV chuyên trách bộ môn, GV dạy nhiều môn kiêm nhiệm dự kiến dạy lớp 4.

- CBQL, giáo viên của 16/16 trường và Trường CB Cần Thạnh đã tham gia tập huấn đầy đủ, đúng giờ, nghiêm túc, đảm bảo chuyên cần theo lịch. Phòng Giáo dục và Đào tạo tham dự và điểm danh tất cả các buổi tập huấn; Hiệu trưởng các trường có giám sát, điểm danh và theo dõi việc học tập của đơn vị mình.

- CBQL, giáo viên đã thực hiện ghi chép đầy đủ các nội dung bồi dưỡng. Tham gia trao đổi, thực hiện nhiệm vụ báo cáo viên giao. Nắm được quan điểm biên soạn và những điểm mới SGK lớp 4; phân phối chương trình của từng môn học/ hoạt động giáo dục; cấu trúc bài học theo chủ đề; phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá năng lực, phẩm chất của từng môn học/ hoạt động giáo dục. GV soạn được kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn, nắm được phương pháp và hình thức tổ chức các hoạt động của một tiết dạy.



### Hạn chế

- Do chưa có SGK, SGV bản giấy nên thời gian xem bản mẫu sách điện tử không nhiều; GV không có thời gian nghiên cứu sâu nội dung các bài dạy nên chưa linh hoạt khi soạn kế hoạch bài dạy.

- Do thời gian tập huấn không nhiều nên có những nội dung (Tiếng Việt, Toán) giáo viên muốn tìm hiểu sâu hơn nhưng không kịp thời gian, báo cáo viên đã tạo điều kiện cho GV gửi nội dung thắc mắc qua mail để giải đáp.

### Kết quả

| Đối tượng                                               | Số lượng | Kết quả |          | Ghi chú |
|---------------------------------------------------------|----------|---------|----------|---------|
|                                                         |          | Đạt     | Chưa đạt |         |
| Chuyên viên                                             | 03       | 03      |          |         |
| CBQL                                                    | 32       | 32      |          |         |
| GV dạy nhiều môn                                        | 59       | 59      |          |         |
| GV bộ môn (MT, AN, GDTC, Công nghệ, Tin học, Tiếng Anh) | 102      | 102     |          |         |
| Tổng chung                                              | 196      | 196     |          |         |

Bồi dưỡng giáo viên sử dụng SGK lớp 1, lớp 2 và lớp 3 cho GV chuyển khối năm học 2023-2024:

- Năm học 2023-2024, 5 trường tiểu học có 6 giáo viên chuyển khối: Khối 1: 1 GV; Khối 2: 2 GV; Khối 3: 3 GV. Cụ thể: Trường Tiểu học Cần Thạnh: 1 GV khối 2; Trường Tiểu học An Thới Đông: 1 GV khối 3; Trường Tiểu học Lý Nhơn: 1 GV khối 1 và 1 GV khối 2; Trường Tiểu học Bình Khánh: 1 GV khối 3; Trường Tiểu học Tam Thôn Hiệp): 1 GV khối 3.

- Hiệu trưởng đã xây dựng kế hoạch và tổ chức tập huấn cho Giáo viên những môn học/Hoạt động động giáo dục.

- Hình thức: Tự nghiên cứu đọc bản mẫu SGK lớp 1, lớp 2 và lớp 3 điện tử theo đường link <https://taphuan.nxbgd.vn> công tập huấn của NXB Giáo dục Việt Nam, cung cấp các tài liệu hỗ trợ việc giảng dạy, tập huấn hướng dẫn sử dụng SGK; xem video bài dạy minh họa của các môn học bộ SGK CTST.

- GV thực hiện nghiêm túc và hoàn thành yêu cầu bồi dưỡng tập huấn giáo viên sử dụng SGK lớp 1, lớp 2 và lớp 3.

### Kết quả

| Đối tượng                          | Số lượng | Số lượng tham dự | Kết quả |          | Ghi chú |
|------------------------------------|----------|------------------|---------|----------|---------|
|                                    |          |                  | Đạt     | Chưa đạt |         |
| GV dạy nhiều môn lớp 1, lớp 2 và 3 | 6        | 6                | 6       | 00       |         |

Hiện nay, 100% CBQL và GV giảng dạy lớp 1,2,3,4 được tham gia tập huấn, bồi dưỡng sử dụng sách giáo khoa lớp 1,2,3,4 để chuẩn bị cho việc thực hiện kế hoạch giáo dục vào năm 2023 – 2024 tại các đơn vị.

### **3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và học liệu**

#### **3.1. Cơ sở vật chất**

- Tỷ lệ phòng học/lớp: 287/204 bình quân phòng học/lớp đạt 1,36
- Số phòng tin học trên địa bàn: 20 phòng
- Số máy tính trên địa bàn: 540
- Nhận định việc đáp ứng/không đáp ứng việc dạy Tin học lớp 3, 4: đáp ứng
- Nguyên nhân đối với việc thiếu máy tính: một số máy tính đầu tư đã lâu, cấu hình máy thấp.
- Giải pháp đối với các đơn vị thiếu phòng máy, thiếu máy tính:

+ Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu Ủy ban nhân dân huyện chủ trương chấp thuận cho thay thế linh kiện máy tính để nâng cấp cấu hình máy nhằm đáp ứng yêu cầu Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (Công văn số 2747/GDDT ngày 19 tháng 12 năm 2023 về chấp thuận điều chỉnh chủ trương sửa chữa máy vi tính thành mua sắm thay thế linh kiện máy vi tính các trường trên địa bàn huyện)

+ Trung tâm hỗ trợ và tư vấn chuyển đổi số TP.HCM cũng như Sở Giáo dục và Đào tạo đã hỗ trợ xây dựng mô hình lớp học số tại trường. Sau khi khảo sát thực tế lắp đặt thiết bị lớp học ảo đến ngày 02/11/2022 hoàn thành việc lắp đặt 02 phòng học ảo tại trường.

#### **3.2. Trang thiết bị dạy học**

- Số đơn vị trang bị đủ thiết bị dạy học tối thiểu (tỷ lệ%): 80%
- Nguyên nhân các trường chưa trang bị đủ các trang thiết bị dạy học tối thiểu: Do nguồn kinh phí của Ủy ban nhân dân huyện và nguồn kinh phí hoạt động của các đơn vị còn hạn chế nên các đơn vị trường học đầu tư, mua sắm trang thiết bị còn hạn chế. Trong học kỳ I năm học 2023 – 2024, có 16/16 trường đã bổ sung thêm một phần thiết bị của khối lớp 2, 3 và 4 với tổng số tiền là 102.400.000 đồng.
- Giải pháp đối với các trường chưa trang bị đủ các trang thiết bị dạy học tối thiểu: Nhà trường rà soát thiết bị tối thiểu theo Thông tư 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhà trường đã tận dụng các thiết bị còn sử dụng và đầu tư bổ sung thiết bị còn thiếu theo quy định tuy nhiên chưa đầy đủ. Bên cạnh đó, Phòng Giáo dục và Đào tạo đã tổng hợp danh mục thiết bị tối thiểu các đơn vị trường học trình Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp và xin ý kiến Ủy ban nhân dân Thành phố.

#### **3.3. Về sách giáo khoa, tài liệu, xuất bản phẩm tham khảo**

- 100% học sinh có đầy đủ sách giáo khoa trước khi vào năm học.
- Số trường có sử dụng xuất bản phẩm: 16/16 trường
- Số trường có hồ sơ sử dụng xuất bản phẩm theo Thông tư 21: 16/16 trường.

- Các trường Căn cứ Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về quản lý và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; Công văn 973/GDĐT ngày 4 tháng 7 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Về triển khai thực hiện công văn số 2253/SGDĐT –VP ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- 16/16 trường tổ chức thực hiện lựa chọn xuất bản phẩm tham khảo lớp 1, 2, 3, 4, 5 đúng theo quy định.

- Hồ sơ sắp xếp theo văn bản 561/GDĐT ngày 03 tháng 4 năm 2023, của Phòng Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn hồ sơ lựa chọn, bồi dưỡng, cung ứng sách và tài liệu tham khảo.

## **II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ**

### **1. Thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn trường học**

Các đơn vị chuẩn bị tốt các phương án đảm bảo an toàn, phòng chống dịch bệnh trên cơ sở hướng dẫn của ngành Y tế và ngành Giáo dục; nâng cao ý thức, trách nhiệm và tăng cường các biện pháp phòng chống dịch cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý trong trường học; duy trì vệ sinh môi trường trong trường học và các phương án bảo đảm sức khỏe cho học sinh, nhân viên, giáo viên, cán bộ quản lý.

Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định số 4458/QĐ-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về xây dựng Trường học an toàn, phòng, chống tai nạn, thương tích trong trường phổ thông; Nghị định 80/2017/NĐ-CP, ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường. Phối hợp tổ chức tập huấn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên kỹ năng phòng cháy chữa cháy và cách xử lý khi có tình huống cháy nổ xảy ra; tổ chức xây dựng kế hoạch phối hợp đảm bảo công tác an ninh trật tự, an toàn trường học, phòng ngừa bạo lực học đường, phòng tránh các tệ nạn xã hội xâm nhập vào nhà trường.

Các đơn vị chủ động chuẩn bị sẵn sàng các kịch bản, phương án tổ chức dạy học theo các hình thức linh hoạt, phù hợp với tâm sinh lý học sinh phòng trường hợp xảy ra dịch bệnh tại địa phương.

### **2. Chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục**

#### **2.1. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường để chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành chương trình năm học**

- Số trường xây dựng đủ các kế hoạch giáo dục trong nhà trường: 17 trường (16 trường tiểu học và 1 trường Chuyên biệt)

Được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát từ Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo, Huyện ủy và Ủy ban nhân huyện và đã có các văn bản pháp lý về việc thực hiện chương trình phổ thông 2018.



Phòng Giáo dục và Đào tạo cũng đã hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học phù hợp với điều kiện thực tế của huyện, chỉ đạo và hướng dẫn kịp thời trong quá trình thực hiện<sup>1</sup>.

Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học có triển khai hướng dẫn các trường xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1,2,3,4 và Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 (Chương trình giáo dục phổ thông 2006) lớp 5 (có cả kế hoạch khối và kế hoạch giáo dục cá nhân của GV).

Các trường cũng đã xây dựng kế hoạch, triển khai thành công và tổ chức thực hiện đúng, đủ nội dung, chương trình giáo dục theo quy định hiện hành, xây dựng kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày đảm bảo các điều kiện triển khai thực hiện đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 ở các đơn vị.

Hiệu trưởng chỉ đạo Tổ trưởng chuyên môn xây kế hoạch giáo dục của Tổ, mỗi giáo viên đều xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân của mình phù hợp với điều kiện thực tế tại đơn vị trên cơ sở bảo đảm mục tiêu, nội dung đáp ứng yêu cầu cần đạt theo Chương trình (có kế hoạch thực hiện chương trình; mục tiêu môn học đạt được theo từng giai đoạn). Xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục đảm bảo mỗi giáo viên nắm vững mạch nội dung, yêu cầu cần đạt của chương trình môn học, hoạt động giáo dục và nội dung bài học, chủ đề học tập được thiết kế trong sách giáo khoa; đặc điểm địa phương, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường và đặc điểm đối tượng học sinh.

Trên cơ sở đó, giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch bài dạy, đề xuất những nội dung cần điều chỉnh hoặc bổ sung, tích hợp; điều chỉnh thời lượng thực hiện; nguồn học liệu và thiết bị dạy học; hình thức tổ chức và phương pháp dạy học; hình thức tổ chức và phương pháp đánh giá; xây dựng phân phối chương trình dạy học linh hoạt phù hợp với đối tượng học sinh, điều kiện tổ chức dạy học, bảo đảm các yêu cầu cần đạt của chương trình đối với môn học, hoạt động giáo dục để đạt hiệu quả cao nhất.

- Việc xây dựng thời khóa biểu:

+ Các trường chủ động xây dựng Thời khóa biểu 7 tiết /ngày theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Phòng Giáo dục Đào tạo. Sắp xếp thời khóa biểu một cách khoa học, đảm bảo tỉ lệ hợp lý giữa các nội dung dạy học và hoạt động giáo dục, phân bổ hợp lý về thời lượng, thời điểm trong ngày học và tuần học phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học.

+ Các đơn vị tổ chức các hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày là hoạt động theo nhu cầu, sở thích của học sinh trong khoảng thời gian từ sau giờ học chính thức cho đến thời điểm được cha mẹ học sinh đón về nhà; căn cứ vào nhu cầu, sở thích của học sinh, có thể tổ chức các hoạt động dưới hình thức sinh hoạt câu lạc bộ hoặc sử dụng cơ sở vật chất của nhà trường (thư viện, sân chơi, bãi tập, nhà

<sup>1</sup> Văn bản số 1300 / GDĐT ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Về hướng dẫn thực hiện giáo dục tiểu học năm học 2022-2023; Công văn 1356/GDĐT ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về triển khai công văn số 3392/SGDĐT-GDTH ngày 19 tháng 9 năm 2022 hướng dẫn chuyên môn cấp tiểu học năm học 2022-2023.

đa năng...) tạo điều kiện để học sinh vui chơi, giải trí, rèn luyện năng khiếu sau giờ học chính thức trong ngày; việc tổ chức hoạt động sau giờ học chính thức trong ngày bảo đảm an toàn, hiệu quả, theo đúng mục tiêu đã đề ra dưới hình thức sinh hoạt câu lạc bộ được thực hiện trên cơ sở thống nhất, tự nguyện của học sinh, cha mẹ học sinh và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- **Khó khăn:** Có một số đơn vị triển khai nhiều mô hình nên việc sắp xếp thời khóa biểu những tiết ngoài giờ chính khóa (Stem, tiếng Anh nước ngoài, kỹ năng sống, ...) sau giờ học chính khóa vào buổi chiều gặp khó khăn.

- **Giải pháp:** Các đơn vị linh hoạt trong việc sắp xếp thời khóa biểu, phối hợp với trung tâm cung cấp dịch vụ giáo dục ngoài giờ thống nhất phương án sắp xếp, đối với những học sinh có nhu cầu học thì bố trí thêm tiết thứ 5 buổi sáng hoặc tiết thứ 4 buổi chiều để đảm bảo thời lượng.

- Về chương trình nhà trường: 100 % đơn vị xây dựng chương trình nhà trường có sự phê duyệt của Phòng Giáo dục và Đào tạo.

## **2.2. Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông**

### **a) Đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4**

Các đơn vị thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 theo các văn bản hướng dẫn chuyên môn đối với cấp tiểu học đã được Bộ GDĐT ban hành.

- Tỷ lệ phòng học/lớp: 244/161 bình quân phòng học/lớp đạt 1,5
- Sĩ số học sinh/lớp: 4131/161 – Tỷ lệ: 25,6 HS/lớp
- Tỷ lệ giáo viên/lớp: 254/161 – Tỷ lệ: 1,58 GV/lớp
- Tỷ lệ 2 buổi/ngày: 100%
- Số trường có kế hoạch tổ chức bán trú: 3
- Số trường có tổ chức các hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày: 100%

### **b) Đối với lớp 5**

#### **- Việc điều chỉnh nội dung dạy học:**

+ Thực hiện chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo đã có văn bản số 265/GDĐT, ngày 01 tháng 3 năm 2021 về triển khai, thực hiện kế hoạch giáo dục lớp 5 học kỳ 2 năm học 2020-2021 và văn bản số 1394/GDĐT, ngày 07 tháng 9 năm 2021 về triển khai, thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 5 đáp ứng yêu cầu Chương trình giáo dục phổ thông 2018 kể từ năm học 2021-2022. Đầu năm học 2023-2024 Phòng Giáo dục và Đào tạo rút kinh nghiệm và chỉ đạo các trường tiếp tục xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện.

+ Hiệu trưởng các trường tiểu học đã căn cứ theo văn bản của Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức rút kinh nghiệm và tiếp tục triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục lớp 5 đến tất cả giáo viên giảng dạy lớp 5, nhằm giúp học sinh tiếp cận với Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ở lớp 6, theo tài liệu hướng dẫn điều chỉnh nội dung và phương pháp dạy học các môn học lớp 5 theo chương trình hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Phòng Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức các cuộc họp để trao đổi, chia sẻ cách làm, kế hoạch thực hiện, kế hoạch điều chỉnh nội dung dạy học các môn học lớp 5 theo chương trình hiện hành theo định hướng chương trình 2018.

+ Phòng Giáo dục và Đào tạo thường xuyên dự giờ tư vấn cho giáo viên và kiểm tra kế hoạch điều chỉnh, công tác chỉ đạo và bồi dưỡng giáo viên của các trường.

Đánh giá chung: Đến thời điểm hiện tại các trường đã thực hiện khá tốt theo chỉ đạo, giáo viên lớp 5 đã biết cách điều chỉnh nội dung dạy học các môn học lớp 5 chương trình hiện hành theo định hướng chương trình 2018.

#### **- Tổ chức thực hiện mô hình trường học mới (VNEN) ở lớp 5 (toàn phần):**

Thực hiện theo các công văn hướng dẫn: Công văn số 265 /GDĐT, ngày 01 tháng 3 năm 2021 và công văn số 1394/GDĐT, ngày 07 tháng 9 năm 2021. Các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện, tuyên truyền, giới thiệu, chia sẻ nội dung về mô hình trường học mới cho cán bộ quản lý, giáo viên và cộng đồng; có biện pháp gắn kết chặt chẽ, phát huy vai trò tích cực của phụ huynh và cộng đồng cùng tham gia với nhà trường chăm sóc giáo dục học sinh với các hình thức đa dạng phong phú;

Thông qua việc tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn: Tiếp tục tập huấn, trao đổi để triển khai đồng bộ và hiệu quả phương pháp dạy, phương pháp học, đánh giá học sinh, hội đồng tự quản nhằm hình thành và phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh. Chỉ đạo Giáo viên nỗ lực nghiên cứu, tổ chức rút kinh nghiệm sau tiết dạy trong dạy học mô hình mới. Trong quá trình dạy hạn chế được việc giảng giải, thuyết trình, mà tập trung vào việc quan sát, hướng dẫn, tổ chức học tập, hỗ trợ và thúc đẩy quá trình học tập của học sinh. Chỉ đạo cho GV thực hiện trang trí thiết thực và hiệu quả; Chú ý khai thác các góc trang trí vào hoạt động giảng dạy và được thay đổi theo chủ đề học tập và theo tình hình của lớp tại thời điểm đó; các đồ dùng phải thể hiện to, rõ không mang tính đối phó (phát huy vai trò của các công cụ vào việc tổ chức dạy học).

CBQL thường xuyên quan tâm kiểm tra việc thực hiện, dự giờ, thăm lớp để kịp thời hỗ trợ, giúp đỡ giáo viên. Tiếp tục bồi dưỡng, giúp đỡ giáo viên về phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo mô hình dạy học mới VNEN.

Các trường đã dần khắc phục khó khăn trên, đã có sự đổi mới, không khí học tập, các mối quan hệ hợp tác trong và ngoài nhà trường bước đầu được cải thiện, hướng về người học, hướng về phát triển năng lực đối với học sinh.

Phòng Giáo dục và Đào tạo thường xuyên đến các trường tham dự sinh hoạt chuyên môn tổ, khối, tư vấn thêm cho các trường trong quá trình thực hiện.

#### **Hạn chế:**

+ Một số bài GV điều chỉnh tài liệu học chưa phù hợp; Một số lớp nhóm trưởng chưa phát huy hết vai trò của mình;

+ Bên cạnh đó vẫn còn không ít giáo viên phụ thuộc vào nội dung sách giáo khoa, thể hiện nhiều ở các môn ít tiết như: môn Địa lý, môn Khoa học, môn Đạo đức, môn TNXH, không mạnh dạn tích hợp những nội dung liên quan, chưa huy động hết vốn sống của học sinh trong việc hướng dẫn học sinh lĩnh hội kiến thức bài mới; thiết kế các hoạt động đôi khi chưa hợp lý.



+ Sự tham gia của PHHS vào trong quá trình dạy học và giáo dục các em còn hạn chế.

### **3. Tổ chức dạy học Ngoại ngữ 1, Tin học theo Chương trình cấp tiểu học**

#### **3.1. Tổ chức dạy học các môn Tiếng Anh**

#### **3.1. Tổ chức dạy học các môn Tiếng Anh**

- Đối với lớp 1, 2: có 82 lớp dạy tiếng Anh. Trong đó: có 57 lớp tiếng Anh tự chọn (28 lớp 1, 29 lớp 2); có 25 lớp dạy tiếng Anh tăng cường (13 lớp 1, 12 lớp 2);

- Đối với lớp 3, 4: có 79 lớp tiếng Anh theo chương trình. Trong đó có 59 lớp tiếng Anh theo chương trình (28 lớp 3, 31 lớp 4); Trong đó có 20 lớp dạy tiếng Anh tăng cường (11 lớp 3, 9 lớp 4);

- Đối với lớp 5: có 43 lớp dạy tiếng Anh. Trong đó: có 30 lớp tiếng Anh Đề án; có 13 lớp dạy tiếng Anh tăng cường.

Kết quả:

- Việc đảm bảo tổ chức dạy học môn Tiếng Anh học sinh lớp 3, lớp 4 theo yêu cầu của CTGDPT 2018 (tỉ lệ): 100%

- Phòng Giáo dục và Đào tạo triển khai kế hoạch thực hiện đề án tiếng Anh năm học 2023-2024<sup>2</sup> đến các trường theo quy định.

- Trong học kỳ I, ngoài việc triển khai các mô hình tiếng Anh, các trường cũng đã tổ chức hoạt động Open House, Ngày hội tiếng Anh với sự tham gia của phụ huynh học sinh để quan sát việc tổ chức dạy tiếng Anh của trường thông qua một số tiết học

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá học sinh đúng quy định, tỉ lệ học sinh lớp 3, 4, 5 từ 5 điểm trở lên đạt:

+ Lớp 3: 1014/1023, tỉ lệ 99.1% (có 9 Học sinh học hòa nhập được miễn học môn tiếng Anh)

+ Lớp 4: 1012/1027, tỉ lệ 98.5% (có 7 Học sinh học hòa nhập được miễn học môn tiếng Anh)

+ Lớp 5: 1085/1095, tỉ lệ 99.1% (có 10 Học sinh học hòa nhập được miễn học môn tiếng Anh)

+ Có tổ chức kiểm tra cuối kỳ I đối với lớp 1, 2 và thông tin tình hình học tập của học sinh đến phụ huynh học sinh.

- Về hạn chế, nguyên nhân và giải pháp khắc phục Mặc dù mô hình giảng dạy tiếng Anh với giáo viên người nước ngoài này góp phần nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh của học sinh, tuy nhiên, hiệu quả mang lại từ mô hình này chưa như mong muốn. Các nhà trường, trung tâm phối hợp phải quan tâm hơn nữa để đảm bảo chất

---

<sup>2</sup> Kế hoạch số 2017/KH-GDĐT ngày 24 tháng 8 năm 2023 của Phòng GDĐT về thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn huyện Cần Giờ giai đoạn 2020-2025 năm học 2023-2024; Công văn số 2039/GDĐT ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Phòng GDĐT về hướng dẫn chuyên môn tiếng Anh cấp tiểu học năm học 2023-2024; Công văn số 1288/GDĐT ngày 12/9/2022 của Phòng GDĐT về triển khai các mô hình tiếng Anh năm học 2022-2023;

lượng và hiệu quả của mô hình, tập trung vào mục đích của mô hình và nhu cầu của người học.

### **3.2. Tổ chức dạy học môn Tin học**

- Đối với lớp 1, 2: tổ chức 1 tiết/ tuần cho học sinh làm quen đồng thời tạo cơ hội cho học sinh lớp 1, lớp 2 được tiếp cận giáo dục tin học.

- Đối với lớp 3, 4: Tổ chức dạy học môn Tin học bắt buộc cho 100% học sinh lớp 3, lớp 4 theo yêu cầu được quy định trong CTGDPT 2018.

- Đối với lớp 5: đã triển khai Chương trình Tin học tự chọn theo Chương trình giáo dục phổ thông hiện hành.

- Việc tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục tin học, giáo dục kỹ năng công dân số:

+ Chỉ đạo các trường hướng dẫn cho giáo viên phụ trách môn Tin học xây dựng kế hoạch giảng dạy tin học tự chọn cho học sinh. Sắp xếp thời khóa biểu hợp lý, sửa chữa, cải tạo phòng máy để đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ cho việc giảng dạy.

+ Chỉ đạo giáo viên xây dựng kế hoạch giảng dạy Tin học theo chuẩn tin học quốc tế IC3 Sparks cho học sinh các khối 4,5. Đối với lớp 3, ngoài thực hiện chương trình Tin học bắt buộc theo quy định của Bộ GDĐT. Tùy theo điều kiện thực tế trường còn dạy theo chương trình Tin học quốc tế IC3 Sparks theo hướng dẫn của Sở GDĐT Thành phố Hồ Chí Minh theo công văn số 1529/GDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2022 về tổ chức dạy học môn tiếng Anh và môn Tin học ở cấp tiểu học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018.

+ Một số trường xây dựng thời khóa biểu cho học sinh khối Hai làm quen Tin học mỗi tuần 01 tiết để chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho các em tiếp cận chương trình tin học với tư cách là một môn học bắt buộc bắt đầu từ lớp 3 với tổng số có 197 em tham gia.

- Về bồi dưỡng năng lực, nghiệp vụ cho giáo viên Tin học:

+ Phòng Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên tham dự lớp tập huấn dạy Tin học và công nghệ lớp 4 theo chương trình GDPT 2018 theo kế hoạch tập huấn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

+ Trong học kỳ I đã tổ chức cho tập huấn Chuyên đề “ Dạy Tin học 4 theo hướng phát triển năng lực ” năm học 2023 - 2024 cấp Tiểu học ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo; gồm có chuyên viên và đại diện CBQL, giáo viên của 16 trường Tiểu học trong huyện.

+ Ngoài ra, một số đơn vị đã tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên tham gia các lớp học nâng cao trình độ về năng lực, nghiệp vụ như: Chứng chỉ Chương trình bồi dưỡng giáo viên dạy môn tin học và công nghệ; chương trình bồi dưỡng và cấp giấy chứng nhận Certificate (Dạy tin học chuẩn quốc tế); Cử nhân Công nghệ thông tin.

Kết quả: Việc đảm bảo tổ chức dạy học môn Tin học học sinh lớp 3, 4 theo yêu cầu của CTGDPT 2018: đạt tỉ lệ 100% trường thực hiện dạy học môn Tin học cho học sinh lớp 3,4 theo yêu cầu CTGDPT 2018 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.



**Tồn tại, hạn chế:** Một số đơn vị phòng máy được trang bị đã lâu ( từ 05 năm trở lên ), thiết bị máy bắt đầu xuống cấp, nhiều máy bị hư nên việc tổ chức dạy tin học một số thời điểm cũng gặp khó khăn nhất là những giờ thực hành của học sinh.

**Giải pháp:** Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân huyện trang cấp kinh phí sửa chữa, bảo trì và nâng cấp. Ngoài ra một số trường cũng đã chủ động dành kinh phí hoạt động của đơn vị để bảo trì, sửa chữa những thiết bị bị hư để đảm bảo đủ máy phục vụ cho công tác dạy và học.

#### **4. Thực hiện dạy học nội dung giáo dục “địa phương em” và tổ chức dạy học giáo dục địa phương theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018**

- Việc triển khai mạch nội dung giáo dục “Địa phương em” trong học kỳ 1:
- Việc tổ chức dạy học giáo dục địa phương trong học kỳ 1:

Thực hiện các văn bản đã hướng dẫn<sup>3</sup>, các đơn vị tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên nghiên cứu tài liệu giáo dục địa phương và sách giáo khoa hoạt động trải nghiệm lớp 1, 2, 3, lớp 4 để xây dựng phân phối chương trình, thời khóa biểu, kế hoạch dạy học tuần đối với hoạt động trải nghiệm.

Nội dung giáo dục địa phương bảo đảm cụ thể hóa được mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông 2018, đảm bảo yêu cầu cần đạt, được tích hợp trong hoạt động trải nghiệm và trong dạy học các môn học (Tiếng Việt, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Toán, Nghệ thuật, ...), góp phần giáo dục các phẩm chất chủ yếu và năng lực cốt lõi của học sinh; bảo đảm thiết thực, phù hợp trình độ, làm cơ sở đánh giá kết quả giáo dục học sinh.

Giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, chủ động tổ chức hợp tổ chuyên môn nghiên cứu bài học, lập kế hoạch cụ thể để thống nhất nội dung lồng ghép, tích hợp trong nội dung các bài học và hoạt động giáo dục. Giáo viên sử dụng tư liệu chính xác, phù hợp; vận dụng được các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo định hướng tích hợp, phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh để phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo; giúp học sinh có thêm cơ hội trải nghiệm và có thể vận dụng kiến thức đã học giải quyết một số vấn đề thực tiễn trong học tập và đời sống, phù hợp lứa tuổi.

Khối 5 thực hiện theo các văn bản hướng dẫn<sup>4</sup>. Giáo viên đã chủ động lựa chọn nội dung Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện giảng dạy ở các tiết theo chương trình; lồng ghép vào các tiết học và hoạt động giáo dục, qua đó giúp học sinh

<sup>3</sup> Thông báo số 1995/GDĐT ngày 23/12/2021 Về kết luận và chỉ đạo việc thực hiện chuyên đề “Một số giải pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm lớp 1 theo chương trình, sách giáo khoa mới”, theo văn bản số 3654/GDĐT-TH về hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục địa phương trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 từ năm học 2020-2023; Công văn 2026/GDĐT ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về Triển khai công văn số 4567/SGDĐT-GDTH ngày 21 tháng 8 năm 2023 hướng dẫn chuyên môn cấp tiểu học năm học 2023-2024. Thông báo số 2018/GDĐT ngày 24/8/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về “Dạy và Kiểm tra đánh giá môn Lịch sử và Địa lý theo hướng phát triển năng lực và Tích hợp nội dung Giáo dục địa phương thành phố Hồ Chí Minh”

<sup>4</sup> Hướng dẫn số 288/GDĐT-TH ngày 26/02/2009 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn thực hiện nội dung Giáo dục địa phương các môn học ở Tiểu học; Công văn số 1056/ GDĐT-TH ngày 29 tháng 10 năm 2009 của phòng Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện nội dung Giáo dục địa phương các môn ở tiểu học.



vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn, tìm hiểu về truyền thống quê hương, đất nước; gắn liền kiến thức đã học với thực tiễn cuộc sống.

Thông qua các chủ đề của nội dung giáo dục địa phương giúp học sinh nâng cao kinh nghiệm sống và những hiểu biết của mình trong các lĩnh vực lịch sử, văn hóa, địa lí, kinh tế, môi trường địa phương... giúp các em có cơ hội vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề trong thực tiễn hàng ngày mà các em gặp ở địa phương.

Những vấn đề tồn tại, hạn chế, nguyên nhân: Một số giáo viên chưa quan tâm nhiều đến việc giảng dạy chương trình giáo dục địa phương, lồng ghép các nội dung còn đơn điệu.

## 5. Triển khai giáo dục STEM

### - Về Bài học STEM:

+ Tổng số tiết: 280, số chủ đề đã thực hiện trong học kỳ 1: 94.

- **Về Hoạt động trải nghiệm STEM:** Nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện, tùy theo điều kiện của trường có thể phối hợp với các trung tâm cung cấp dịch vụ giáo dục Stem, vận động cha mẹ học sinh tạo điều kiện cho con mình tham gia các hoạt động giáo dục STEM để tổ chức thực hành trải nghiệm, tích hợp nội dung khoa học, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống, tổ chức các hoạt động cho học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, giáo dục các kỹ năng phù hợp với thực tiễn cuộc sống với các hình thức Câu lạc bộ được bố trí trong tiết học ngoài giờ vào các buổi chiều. Kết quả có 2961 học sinh trong tổng số 12/16 trường tham gia với 32 hoạt động trải nghiệm.

- **Về làm quen STEM nghiên cứu khoa học kỹ thuật:** Đã có 03/16 trường triển khai với 368 học sinh tham gia với mức độ làm quen ở dạng nghiên cứu tài liệu, phim ảnh và thực hiện mô tả quy trình thực hiện và tạo ra sản phẩm STEM.

### - Đánh giá:

+ Thực hiện theo văn bản<sup>5</sup>. Chỉ đạo các trường linh hoạt trong xây dựng kế hoạch dạy học STEM trong kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục tổ chuyên môn đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tiễn và đối tượng học sinh.

+ Trường chủ động phương án tổ chức thực hiện giáo dục STEM theo định hướng của chương trình giáo dục phổ thông 2018 phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng đáp ứng của đơn vị. Trong đó, mỗi giáo viên thực hiện tối thiểu từ 1 đến 2 chủ đề STEM trong học kỳ I. Các nội dung Giáo dục STEM sẽ được thể hiện cụ thể trong kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học của giáo viên và biên bản sinh hoạt chuyên môn của tổ khối.

---

<sup>5</sup> Công văn số 909/BGDĐT-GDTH ngày 08/3/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong giáo dục tiểu học; Công văn 1910/SGDĐT-GDTH ngày 24/4/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM về hướng dẫn tổ chức giáo dục STEM trong các cơ sở giáo dục Tiểu học. Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 ( tại phụ lục 2 ) và công văn số 2019/GDĐT ngày 24/8/2023 của phòng Giáo dục và Đào tạo Cần Giờ về kết luận và chỉ đạo việc thực hiện chuyên đề “ Dạy học tích hợp nội dung giáo dục STEM và bài học ” năm học 2023 - 2024 cấp Tiểu học

+ Một số trường đã tích cực triển khai thực hiện các góc triển lãm sản phẩm STEM tại các lớp học và góc trưng bày Giáo dục STEM tại khuôn viên nhà trường...

- **Tồn tại, hạn chế:** Một số giáo viên còn lúng túng, khó khăn trong việc triển khai thực hiện bài học Stem. Số học sinh tham gia học trải nghiệm Stem còn

- **Nguyên nhân:** Do năm đầu tiên triển khai thực hiện chương trình giáo dục STEM nên một số giáo viên còn gặp khó khăn trong việc tiếp cận với phương pháp dạy học. Tình hình kinh tế địa phương gặp khó khăn nên cha mẹ học sinh chưa có điều kiện cho con mình tham gia học chương trình trải nghiệm Stem.

## 6. Nâng cao hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

### 6.1. Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

Thực hiện linh hoạt phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trên lớp học; tăng cường tổ chức thực hành trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống.

Tiếp tục áp dụng dạy học theo phương pháp Bàn tay nặn bột<sup>6</sup>; thực hiện dạy học Mĩ thuật theo phương pháp mới<sup>7</sup>; vận dụng phương pháp “Sơ đồ tư duy”, “Học thông qua chơi”, “Lớp học ảo” vào tổ chức dạy học một số môn học phù hợp; tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá môn Tiếng Việt, Toán ở tiểu học<sup>8</sup>; dạy học tích hợp các nội dung giáo dục ở cấp tiểu học linh hoạt với các hình thức tổ chức phù hợp theo kế hoạch giáo dục của nhà trường<sup>9</sup>; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học để nâng cao năng lực nghề nghiệp của giáo viên<sup>10</sup>.

Tiếp tục triển khai thực hiện các chuyên đề đã triển khai trong các năm qua.

Tiếp tục tổ chức hiệu quả sinh hoạt chuyên môn (SHCM) tại các tổ, khối chuyên môn trong trường và giữa các trường tiểu học:

+ Tổ chức hiệu quả sinh hoạt chuyên môn tại các tổ chuyên môn trong trường và cụm trường; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua

<sup>6</sup> Theo hướng dẫn tại Công văn số 3535/BGDĐT-GDTrH ngày 27/5/2013 về việc hướng dẫn triển khai thực hiện phương pháp “Bàn tay nặn bột” và các phương pháp dạy học tích cực khác, trong đó các nhà trường chú trọng chủ động thực hiện việc sắp xếp lại nội dung dạy học một cách phù hợp, thuận lợi để áp dụng phương pháp Bàn tay nặn bột.

<sup>7</sup> Theo hướng dẫn tại Công văn số 2070/BGDĐT-GDTH ngày 12/5/2016 về việc triển khai dạy học Mĩ thuật theo phương pháp mới ở tiểu học, trung học cơ sở.

<sup>8</sup> Theo hướng dẫn tại Công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21/7/2021 về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông.

<sup>9</sup> Giáo dục địa phương, giáo dục an toàn giao thông, giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục chăm sóc mắt và phòng chống mù lòa cho học sinh tiểu học (theo Quyết định số 1078/QĐ-BGDĐT ngày 29/4/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT tại địa chỉ [matsanghochay.moet.gov.vn](http://matsanghochay.moet.gov.vn)), giáo dục về quyền con người,...; Công văn số 2026/GDĐT ngày 25 tháng 8 năm 2023 của phòng Giáo dục và Đào tạo về triển khai công văn số 4567/SGDĐT-GDTH ngày 21 tháng 8 năm 2023 hướng dẫn chuyên môn cấp tiểu học năm học 2023-2024.

<sup>10</sup> Công văn số 1212 /GDĐT ngày 13 tháng 8 năm 2020 của phòng Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn Thực hiện chương trình GDPT Cấp tiểu học từ năm học 2020-2021 (thực hiện theo Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học, công văn số 1338/GDĐT-TH ngày 13/5/2020 của SGDĐT về Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện CT GDPT cấp tiểu học từ năm học 2020-2021).

hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học theo hướng dẫn tại văn bản số 1338/GDĐT-TH ngày 13/5/2020 của SGDĐT về Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện CT GDPT cấp tiểu học từ năm học 2020-2021 và công văn Văn bản số 1212 /GDĐT ngày 13 tháng 8 năm 2020 của phòng Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn Thực hiện chương trình GDPT Cấp tiểu học từ năm học 2020-202; Các trường đã sắp xếp thời khóa biểu giảng dạy trong tuần để mỗi tổ khối có được một buổi sinh hoạt chuyên môn.

+ Đưa SHCM trở thành hoạt động thường xuyên, có chất lượng nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý trong chỉ đạo chuyên môn; nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm cho giáo viên trong hoạt động dạy học. Kịp thời tháo gỡ những khó khăn về đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới các hoạt động đánh giá học sinh,... cho giáo viên. Tạo cơ hội để mỗi cán bộ, giáo viên được phát huy khả năng sáng tạo, đóng góp sáng kiến kinh nghiệm nâng cao chất lượng giáo dục.

+ Tuy nhiên vẫn còn vài đơn vị các buổi họp chuyên môn chưa đi sâu vào việc sinh hoạt chuyên môn, chỉ triển khai văn bản hành chính, các công việc.

Tiếp tục phát huy và nâng cao chất lượng hoạt động của các cụm chuyên môn trong công tác bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho đội ngũ giáo viên, hỗ trợ giáo viên thực hiện chương trình sách giáo khoa lớp 1, 2, 3, 4.

Các chuyên đề đã thực hiện nhằm đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh:

- Tiếp tục cử CBQL, giáo viên, nhân viên tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đáp ứng tốt nhu cầu nhiệm vụ được giao. Phòng Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức các lớp tập huấn và chuyên đề theo chỉ đạo của Sở:

+ Chuyên đề “ Dạy học tích hợp nội dung giáo dục STEM và bài học ” năm học 2023 - 2024 cấp Tiểu học.

+ Chuyên đề “ Dạy và Kiểm tra đánh giá môn Lịch sử và Địa lý theo hướng phát triển năng lực và Tích hợp nội dung Giáo dục địa phương thành phố Hồ Chí Minh”.

+ Chuyên đề “ Dạy giải bài toán theo hướng phát triển năng lực cho học sinh “ năm học 2023 -2024.

+ Chuyên đề “ Dạy Một số yếu tố thống kê và xác suất theo hướng phát triển năng lực ” năm học 2023 - 2024 cấp Tiểu học.

+ Chuyên đề “Dạy đọc cho học sinh lớp 4 theo hướng phát triển năng lực”

+ Chuyên đề “Dạy Tin học 4 theo hướng phát triển năng lực” năm học 2023 - 2024 cấp tiểu học”

+ Chuyên đề “Dạy viết cho học sinh lớp 4 theo hướng phát triển năng lực”

+ Chuyên đề “Xây dựng môi trường giáo dục hòa nhập thân thiện, công bằng. Hướng dẫn kỹ năng quản lý hành vi trẻ khuyết tật học hòa nhập”.

- Sau mỗi chuyên đề, Phòng Giáo dục và Đào tạo có văn bản kết luận và chỉ đạo các trường triển khai và vận dụng vào thực tế. Kết quả giáo viên bước đầu đã vận



dụng thành công nội các dung trên vào bài giảng Theo tình thực tế của từng đơn vị cũng đã tổ chức bồi dưỡng GV.

- Tất cả các trường đã tổ chức triển khai các chuyên đề huyện đã tập huấn. Đa số giáo viên áp dụng tốt các chuyên đề vào việc giảng dạy.

- Tuy nhiên hiện nay một số đơn vị chưa triển khai kịp thời các chuyên đề đến giáo viên, trong quá trình áp dụng giáo viên vẫn chưa thực hiện thường xuyên.

## **6.2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức đánh giá**

- Các chuyên đề đã thực hiện nhằm đổi mới phương pháp và hình thức đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh:

+ Chuyên đề “Dạy và Kiểm tra đánh giá môn Lịch sử và Địa lý theo hướng phát triển năng lực và Tích hợp nội dung Giáo dục địa phương thành phố Hồ Chí Minh”.

+ Chuyên đề “Đổi mới kiểm tra đánh giá môn Toán lớp 4 theo hướng phát triển năng lực HS”

- Việc thực hiện kiểm tra định kỳ giữa học kỳ 1 và cuối học kỳ 1:

+ Hiệu trưởng các trường tổ chức thực hiện nghiêm túc đánh giá học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3 được đánh giá theo quy định tại Thông tư <sup>11</sup>. Đối với học sinh lớp 4, lớp 5 tiếp tục được đánh giá theo quy định tại Thông tư <sup>12</sup>, công văn số 1570/TB-GDĐT ngày 02 tháng 11 năm 2018 của phòng Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn đánh giá học sinh cấp tiểu học kể từ năm học 2018-2019; Công văn 2751/GDĐT ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về tổ chức kiểm tra và báo cáo sơ kết học kỳ I học năm học 2023 - 2024 cấp Tiểu học.

+ Hiệu trưởng đã triển khai, tập huấn thông tư triệt để, đúng quy trình đến giáo viên, cha mẹ học sinh. Nhìn chung, đa số cán bộ, giáo viên đã nắm vững, nhận thức đúng đắn và thực hiện đúng.

+ Tăng cường việc đánh giá thường xuyên (lời nói, nhận xét ở vở, sản phẩm của học sinh; thông tin trao đổi với cha mẹ học sinh bằng các hình thức phù hợp,...) để có biện pháp giúp đỡ, động viên học sinh trong quá trình học tập, rèn luyện và phát triển năng lực, phẩm chất nhằm hỗ trợ, điều chỉnh kịp thời, thúc đẩy sự tiến bộ của học sinh theo mục tiêu giáo dục tiểu học. Tổ chức cho học sinh tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau sau các tiết học.

+ Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch kiểm tra HKI với các giải pháp linh hoạt, phù hợp với đơn vị, thông báo kịp thời cho học sinh và PHHS; thực hiện quy trình ra đề kiểm tra đúng quy định; tổ chức kiểm tra nghiêm túc, khách quan, công bằng, nhẹ nhàng. Đặc biệt chú trọng việc xây dựng ma trận, thiết kế đề kiểm tra định kỳ môn học theo quy định, phát triển năng lực học sinh.

<sup>11</sup> Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 4 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy định đánh giá học sinh.

<sup>12</sup> Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về “Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học”, Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT.

+ Giao quyền và trách nhiệm cho hiệu trưởng chỉ đạo thực hiện KTĐK. CBQL và GV nắm vững và nhận thức đúng đắn về yêu cầu của Thông tư để thực hiện tốt trong quá trình chỉ đạo và đánh giá, giúp học sinh tự tin, biết mặt hạn chế để sửa chữa, phát huy các mặt ưu điểm (kết hợp việc chấm điểm với nhận xét chi tiết).

+ Đánh giá thường xuyên bằng nhận xét, đánh giá định kì bằng điểm số kết hợp với nhận xét; Kết hợp đánh giá của giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, trong đó đánh giá của giáo viên là quan trọng nhất.

- Công tác tổ chức đánh giá để kiểm tra của Phòng Giáo dục và Đào tạo:

+ Tổ chức kiểm tra công tác tổ chức kiểm tra và đánh giá học sinh tại các trường theo Kế hoạch số 2804/KH-GDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Về Kiểm tra công tác coi và chấm kiểm tra định kì học kì I - Năm học 2023 – 2024.

+ Qua đợt kiểm tra của Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm việc ra đề kiểm tra của các đơn vị.

**- Kết quả chất lượng bộ môn qua kỳ KTĐK-CKI:**

**Môn Tiếng Việt:**

| K<br>H<br>OÍ | HKI - Năm học 2022 - 2023                      |                   |                  |                  |                     |                     | HKI - Năm học 2023 - 2024                    |                   |                  |                  |                     |                     |
|--------------|------------------------------------------------|-------------------|------------------|------------------|---------------------|---------------------|----------------------------------------------|-------------------|------------------|------------------|---------------------|---------------------|
|              | TSHS<br>Dự KT/<br>TSHS                         | Điểm<br>9-10<br>% | Điểm<br>7-8<br>% | Điểm<br>5-6<br>% | Điểm<br>trên<br>5 % | Điểm<br>dưới<br>5 % | TSHS<br>Dự KT/<br>TSHS                       | Điểm<br>9-10<br>% | Điểm<br>7-8<br>% | Điểm<br>5-6<br>% | Điểm<br>trên<br>5 % | Điểm<br>dưới<br>5 % |
| <b>1</b>     | 1048/ 1067<br>(Trừ 19<br>KT không<br>xếp loại) | 722<br>68,9       | 246<br>23,5      | 62<br>5,9        | 1030<br>98,3        | 18<br>1,7           | 1015/1037<br>(Trừ 22KT<br>không xếp<br>loại) | 727<br>71,6       | 225<br>22,2      | 51 –<br>5,0      | 1003<br>98,8        | 12 –<br>1,2         |
| <b>2</b>     | 1024/ 1026<br>(Trừ 2KT<br>không XL)            | 597<br>58,3       | 300<br>29,3      | 94<br>9,2        | 991<br>96,8         | 33<br>3,2           | 1018/1028<br>(Trừ 10KT<br>không XL)          | 583<br>57,3       | 308<br>30,3      | 110<br>10,8      | 1001<br>98,3        | 17 –<br>1,7         |
| <b>3</b>     | 1027/ 1034<br>(Trừ 7KT<br>không XL)            | 539<br>52,5       | 311<br>30,3      | 141<br>13,7      | 991<br>96,5         | 36<br>3,5           | 1022/ 1032<br>(Trừ 10KT<br>không XL)         | 533<br>52,2       | 345<br>33,8      | 123<br>12,0      | 1001<br>97,9        | 21 –<br>2,1         |
| <b>4</b>     | 1095/ 1102<br>(Trừ 7KT<br>không XL)            | 585<br>53,4       | 366<br>33,4      | 116<br>10,6      | 1067<br>97,4        | 28<br>2,6           | 1026/ 1034<br>(Trừ 8KT<br>không XL)          | 535<br>52,1       | 369<br>36,0      | 116<br>11,3      | 1020<br>99,4        | 6 -<br>0,6          |
| <b>5</b>     | 1355/ 1358<br>(Trừ 3KT<br>không XL)            | 666<br>49,1       | 471<br>34,8      | 201<br>14,8      | 1338<br>98,7        | 17<br>1,3           | 1104/ 1105<br>(Trừ 1KT<br>không XL)          | 521<br>47,2       | 427<br>38,7      | 135<br>12,2      | 1083<br>98,1        | 21 –<br>1,9         |
| <b>TC</b>    | 5549/ 5587<br>(Trừ 38<br>KT không<br>xếp loại) | 3109<br>56,0      | 1694<br>30,5     | 614<br>11,1      | 5417<br>97,6        | 132<br>2,4          | 5185/5236<br>(Trừ 51KT<br>không xếp<br>loại) | 2899<br>55,9      | 1674<br>32,3     | 535<br>10,3      | 5108<br>98,5        | 77 –<br>1,5         |

Qua bảng thống kê đánh giá như sau:



+ Tổng số học sinh toàn huyện năm học 2023-2024, đến cuối HKI là 5236 học sinh. Trong đó có 51 học sinh khuyết tật không tham gia làm bài kiểm tra định kỳ môn Tiếng Việt vì học theo chương trình học của kế hoạch học tập cá nhân. Tỷ lệ đạt yêu cầu (điểm bài kiểm tra trên 5) là: 5108/5185 – Tỷ lệ 98,5% so với học kỳ 1 của năm học trước tăng 0,9%, tỷ lệ yếu giảm 0,9%.

+ Đa số học sinh đạt các kỹ năng nghe – nói – đọc – viết, phân tích, tổng hợp. Vì thế phần lớn học sinh đọc đúng tốc độ, đọc diễn cảm, đọc hiểu văn bản, biết cách giao tiếp, biết phân tích đề, biết sử dụng từ để đặt câu và vận dụng các mẫu câu đã học để thực hành làm bài, vận dụng các kiến thức đã học để làm văn, liên kết câu, trình bày bài văn theo bố cục, viết chính tả đúng.

+ Tỷ lệ yếu là do một số học sinh chưa có kỹ năng viết và phân tích đề; Bài Chính tả học sinh viết sai lỗi còn nhiều, bài Tập làm văn còn viết theo kiểu liệt kê, vốn từ còn yếu, chưa biết sử dụng từ, chưa biết dùng hình ảnh,... còn mang tính khuôn mẫu chưa thể hiện tính sáng tạo, tính chân thật và sự hồn nhiên trong bài văn. Bài Đọc hiểu chưa biết vận dụng các kiến thức đã học để làm bài,... ..

### Môn TOÁN:

| K<br>H<br>O<br>I | HKI - Năm học 2022-2023             |                   |                  |                  |                     |                     | HKI - Năm học 2023-2024                  |                   |                  |                  |                     |                     |
|------------------|-------------------------------------|-------------------|------------------|------------------|---------------------|---------------------|------------------------------------------|-------------------|------------------|------------------|---------------------|---------------------|
|                  | TSHS Dự<br>KT/<br>TSHS              | Điểm<br>9-10<br>% | Điểm<br>7-8<br>% | Điểm<br>5-6<br>% | Điểm<br>trên 5<br>% | Điểm<br>dưới<br>5 % | TSHS Dự<br>KT/<br>TSHS                   | Điểm<br>9-10<br>% | Điểm<br>7-8<br>% | Điểm<br>5-6<br>% | Điểm<br>trên<br>5 % | Điểm<br>dưới<br>5 % |
| 1                | 1047/1067<br>(20 Không<br>Xếp loại) | 845<br>80.7       | 133<br>12.7      | 51<br>4.9        | 1029<br>98.3        | 18<br>1.7           | 1015/1037<br>(Trừ 22<br>KT không<br>XL)  | 782<br>77.0       | 170<br>16.7      | 52<br>5.1        | 1004<br>98.9        | 11<br>1.1           |
| 2                | 1023/1026<br>(3 Không<br>XL)        | 686<br>67.1       | 249<br>24.3      | 76<br>7.4        | 1011<br>99.0        | 12<br>1.0           | 1018/1028<br>(Trừ 10<br>KT không<br>XL)  | 684<br>67.2       | 234<br>23.0      | 93<br>9.1        | 1011<br>99.3        | 7<br>0.7            |
| 3                | 1027/1034<br>(7 Không<br>XL)        | 635<br>61.8       | 246<br>24.0      | 123<br>12.0      | 1004<br>97.8        | 23<br>2.2           | 1022/ 1032<br>(Trừ 10<br>KT không<br>XL) | 610<br>59.7       | 236<br>23.1      | 158<br>15.5      | 1004<br>98.2        | 18<br>1.8           |
| 4                | 1095/ 1102<br>(7 Không<br>XL)       | 588<br>53.7       | 321<br>29.3      | 159<br>15.5      | 1068<br>97.5        | 27<br>2.5           | 1026/ 1034<br>(Trừ 8KT<br>không XL)      | 560<br>54.6       | 293<br>28.6      | 153<br>14.9      | 1006<br>98.1        | 20<br>1.9           |
| 5                | 1354/1358<br>(4 Không<br>XL)        | 583<br>43.0       | 460<br>34.0      | 269<br>19.9      | 1312<br>96.9        | 42<br>3.1           | 1104/ 1105<br>(Trừ 1KT<br>không XL)      | 487<br>44.1       | 388<br>35.1      | 203<br>18.4      | 1078<br>97.6        | 26<br>2.4           |
| T<br>C           | 5546/5587<br>(41 Không<br>XL)       | 3337<br>60.2      | 1409<br>25.4     | 678<br>12.2      | 5425<br>97.8        | 122<br>2.2          | 5185/5236<br>(Trừ 51<br>KT không<br>XL)  | 3123<br>60.2      | 1321<br>25.5     | 659<br>12.7      | 5103<br>98.4        | 82<br>1.6           |

Qua bảng thống kê đánh giá như sau:



Tính chung toàn cấp học: Học kỳ I năm học 2022 – 2023 tỉ lệ môn Toán có điểm trên 5 là 98.4% ( so với năm trước tăng 0.6 % ). Tỉ lệ điểm dưới 5 giảm 0.6%. Đánh giá chất lượng cao hơn so với cùng kỳ năm học trước.

Những mặt hạn chế của giáo viên và học sinh: Việc phân hoá học sinh trong quá trình giảng dạy vẫn chưa cao, chưa chú trọng hình thức các hoạt động để dẫn dắt học sinh vào tình huống có vấn đề. Kỹ năng giải toán của học sinh chưa linh hoạt trong nhiều dạng toán, còn yếu ở dạng bài toán có lời văn. Vẫn còn giáo viên chưa quan tâm đến rèn kỹ năng tính, kỹ năng thực hành cho học sinh.

### Môn Khoa học

| K<br>H<br>O<br>I | HKI - Năm học 2022-2023 |                   |                  |                  |                     |                     | HKI - Năm học 2023-2024        |                   |                  |                  |                     |                     |
|------------------|-------------------------|-------------------|------------------|------------------|---------------------|---------------------|--------------------------------|-------------------|------------------|------------------|---------------------|---------------------|
|                  | TSHS<br>DT/<br>TSHS/    | Điểm<br>9-10<br>% | Điểm<br>7-8<br>% | Điểm<br>5-6<br>% | Điểm<br>trên<br>5 % | Điểm<br>dưới<br>5 % | TSHS<br>DT/ TSHS               | Điểm<br>9-10<br>% | Điểm<br>7-8<br>% | Điểm<br>5-6<br>% | Điểm<br>trên 5<br>% | Điểm<br>dưới<br>5 % |
| 4                | 1102/<br>1102           | 886<br>80.4       | 180<br>16.3      | 32<br>2.9        | 1098<br>99.6        | 04<br>0.4           | 1033/1034<br>( 01 Không<br>XL) | 777<br>75.2       | 185<br>18.9      | 58<br>5.6        | 1030<br>99.7        | 3<br>0.3            |
| 5                | 1357/<br>1358           | 1067<br>78.6      | 229<br>16.9      | 60<br>4.4        | 1356<br>99.9        | 01<br>0.1           | 1105/1105                      | 894<br>80.9       | 176<br>15.9      | 33<br>3.0        | 1103<br>99.8        | 2<br>0.2            |
| T<br>C           | 2459/<br>2460           | 1953<br>79.4      | 409<br>16.6      | 92<br>3.7        | 2454<br>99.8        | 05<br>0.2           | 2138/2139<br>(01 Không<br>XL)  | 1671<br>78.2      | 371<br>17.4      | 91<br>4.3        | 2133<br>99.8        | 5<br>0.2            |

### Môn Lịch Sử - Địa lý

| K<br>H<br>O<br>I | HKI - Năm học 2022-2023 |                   |                  |                  |                     |                     | HKI - Năm học 2023-2024        |                   |                   |                  |                     |                     |
|------------------|-------------------------|-------------------|------------------|------------------|---------------------|---------------------|--------------------------------|-------------------|-------------------|------------------|---------------------|---------------------|
|                  | TSHS<br>DT /<br>TSHS    | Điểm<br>9-10<br>% | Điểm<br>7-8<br>% | Điểm<br>5-6<br>% | Điểm<br>trên 5<br>% | Điểm<br>dưới<br>5 % | TSHSDT/<br>TSHS                | Điểm<br>9-10<br>% | Điểm<br>7-10<br>% | Điểm<br>5-6<br>% | Điểm<br>trên 5<br>% | Điểm<br>dưới<br>5 % |
| 4                | 1102/<br>1102           | 804<br>73.0       | 215<br>19.5      | 73<br>6.6        | 1092<br>99.1        | 10<br>0.9           | 1033/1034<br>( 01 Không<br>XL) | 714<br>69.1       | 210<br>20.3       | 91<br>8.8        | 1015<br>98.3        | 18<br>1.7           |
| 5                | 1357/<br>1358           | 942<br>69.4       | 293<br>21.6      | 118<br>8.7       | 1353<br>99.7        | 04<br>0.3           | 1105/1105                      | 771<br>69.8       | 258<br>23.3       | 71<br>6.4        | 1100<br>99.5        | 5<br>0.5            |
| T<br>C           | 2459/<br>2460           | 1746<br>71.0      | 508<br>20.7      | 191<br>7.8       | 2445<br>99.4        | 14<br>0.6           | 2138/2139<br>(01 Không<br>XL)  | 1485<br>69.5      | 468<br>21.9       | 162<br>7.6%      | 2115<br>98.9        | 23<br>1.1           |

Môn Khoa học: Tỉ lệ điểm trên 5 là 99.8% (bằng so với năm trước) so với HKI năm trước có sự ổn định.

Môn Lịch sử và Địa lý: 98.9% so với năm trước 99.4%, chất lượng thấp hơn 0.5% so với HKI năm trước.

Nhìn chung các trường đã chỉ đạo cho giáo viên thực hiện tốt việc đưa nội dung Biến đổi khí hậu, tiết kiệm năng lượng, kĩ năng sống và đạo đức Hồ Chí Minh, quyền và bổn phận trẻ em, bình đẳng giới, an toàn giao thông,...việc dạy tích hợp đảm bảo

sự hợp lý, nhẹ nhàng, góp phần giáo dục học sinh theo chủ đề, toàn diện. Giáo viên tiếp tục phát huy các phương tiện dạy học và linh hoạt vận dụng các kênh trong sách giáo khoa, cho các môn học này, nên triệt để khai thác khả năng phát triển tư duy và vốn sống của học sinh nhằm khắc sâu kiến thức cho học sinh; Tạo hết mọi điều kiện cho học sinh được học tập kết hợp với học ngoài hiện trường, lồng ghép với các hoạt động ngoại khóa, các ngày hội, các hoạt động trải nghiệm phù hợp với điều kiện của đơn vị, của địa phương và của từng lứa tuổi của học sinh nhằm tạo cơ hội cho các em có điều kiện học tập thông qua từng nội dung cụ thể.

## **7. củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và đảm bảo hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục. xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia**

### **7.1. Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục**

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GDĐT ban hành quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

Tiếp tục thực hiện theo Kế hoạch số 2189/KH-UBND ngày 12/5/2021 về thực hiện công tác phổ cập, xóa mù chữ giai đoạn 2021 – 2025. Tích cực, chủ động tham mưu với lãnh đạo chính quyền kiện toàn ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; xây dựng kế hoạch, tập trung mọi nguồn lực để củng cố, duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định tại Luật Giáo dục 2019.

Cùng chuyên trách huyện căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, tham mưu các văn bản như kế hoạch vận động ngày toàn dân đưa trẻ đến trường, kế hoạch tuyển sinh đầu năm- kế hoạch tổ chức tự kiểm tra công nhận cho các xã, thị trấn; kế hoạch kiểm tra phổ cập giáo dục hàng năm của huyện kiểm tra các xã; thị trấn. Kế hoạch chỉ đạo chuyên môn bậc tiểu học ...

Hiệu trưởng các trường xây dựng hồ sơ phổ cập theo quy định tại *văn bản số 285/ GDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Phòng Giáo dục và Đào tạo V/v thống nhất hồ sơ phổ cập tại các trường trung học cơ sở và tiểu học*. Ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả công tác thu thập, quản lý số liệu về PCGDTH.

Các trường tiểu học đã phối hợp tốt với các ban ngành, đoàn thể về thực hiện việc huy động học sinh trong độ tuổi ra lớp. Tổ chức duy trì sĩ số học sinh.

#### ***Kết quả đạt được:***

- Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi ra lớp 1: 977/977 em, đạt 100 %.
- Tỷ lệ học sinh tiểu học đi học đúng độ tuổi: 5.081/5.081 em, đạt 100 %.
- Tỷ lệ trẻ 11 tuổi HTCTTH: 1.286/1.350 em, đạt 95,26 %.

**Hạn chế:** Một số đơn vị chưa thực hiện đầy đủ hồ sơ theo văn bản số 285/ GDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016; Tỷ lệ học sinh học đúng độ tuổi tỷ lệ chưa cao và thiếu bền vững. Nguyên nhân hàng năm trường phải tiếp nhận thường xuyên các trường hợp khai sinh lớn tuổi chuyển đến từ các tỉnh lân cận.

## 7.2. Thực hiện hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia

Tiếp tục thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục và kiểm tra công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia theo quy định tại các Thông tư và công văn hướng dẫn<sup>13</sup>

Các đơn vị cần xây dựng văn hoá chất lượng, tăng cường công tác kiểm định chất lượng; Dựa vào các kế hoạch thực hiện công tác đánh giá chất lượng và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia ngành giáo dục Giai đoạn 2021-2025<sup>14</sup> và các văn bản chỉ đạo các trường xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện công tác Kiểm định Chất lượng giáo dục. Thực hiện kiểm tra công nhận lại đối với các trường đã đạt chuẩn quốc gia sau 5 năm, đồng thời thực hiện tốt công tác chỉ đạo xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện công tác xây dựng trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia;

Tiếp tục chỉ đạo các trường tiểu học làm tốt công tác tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan tâm, chỉ đạo tập trung các nguồn lực để xây dựng, nâng cao cả về số lượng và chất lượng trường tiểu học nhằm đảm bảo hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia tạo nền tảng vững chắc thực hiện thành công CT GDPT 2018.

Các trường đạt chuẩn tiếp tục xây dựng, củng cố; Các trường đã được Sở Giáo dục và Đào tạo đánh giá ngoài xây dựng kế hoạch, tổ chức cải tiến chất lượng để nâng dần chất lượng giáo dục.

Ngoài các trường trên các trường còn lại rà soát, kiểm tra các hạng mục cơ sở vật chất, chủ động tham mưu đề xuất các cấp lãnh đạo sửa chữa, nâng cấp, xây mới... theo yêu cầu.

| Số trường đạt chuẩn quốc gia |       |       | Số trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục |       |       | Số trường đang thực hiện mô hình trường CLC “tiên tiến, hội nhập quốc tế” |
|------------------------------|-------|-------|---------------------------------------------|-------|-------|---------------------------------------------------------------------------|
| Mức 1                        | Mức 2 | Mức 3 | Mức 1                                       | Mức 2 | Mức 3 |                                                                           |
| 8                            | 1     |       |                                             | 9     | 3     | 0                                                                         |

*Ghi chú:* Trường TH Hòa Hiệp và TH Đồng Hòa được công nhận mức 3 từ năm 2018 (KĐCL).

- Nguyên nhân số trường đạt chuẩn quốc gia tăng/giảm: tăng 1 trường chuẩn quốc gia so với HKI năm trước.

## 8. Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn

<sup>13</sup> Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, Thông tư số 13/2020/TTBGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông.

<sup>14</sup> Kế hoạch số 6214/KH-UBND ngày 19/11/2020 về thực hiện công tác đánh giá chất lượng giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia ngành Giáo dục giai đoạn 2021 – 2025; Kế hoạch số 470/ KH-GDĐT ngày 5 tháng 4 năm 2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về thực hiện công tác đánh giá chất lượng và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia ngành giáo dục Giai đoạn 2021-2025



### 8.1. Đối với trẻ khuyết tật

- Huyện Cần Giờ có 01 trường chuyên biệt dành cho người khuyết tật, nằm tại Thị trấn Cần Thạnh.

- Không có trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập.

- Kết quả thực hiện:

- Toàn huyện có 121 học sinh khuyết tật học hòa nhập ở 15 trường tiểu học, giảm 22 em so với năm học 2022-2023. Trong đó có 51 học sinh khuyết tật không tham gia kiểm tra theo đề chung nên không đánh giá xếp loại. Đánh giá các môn bằng định tính và đánh giá năng lực, phẩm chất của đối tượng này được giáo viên chủ nhiệm thường xuyên hỗ trợ để trẻ hoàn thành bài học và đạt các kỹ năng theo yêu cầu.

- Trường Chuyên biệt Cần Thạnh có 54 học sinh khuyết tật, trong đó 41/54 trẻ học chương trình tiểu học, chia ra: lớp 1: 4 lớp - 32 học sinh, lớp 2: 1 lớp - 6 học sinh, lớp 3 ghép 4: 01 lớp - lớp 3 có 2 học sinh và lớp 4 có 1 học sinh. Một nhóm Can thiệp sớm và hỗ trợ có 13 trẻ. Nhà trường thực hiện chương trình khung theo Quyết định 5715/ QĐ – BGDDT ngày 08/12/2010 của Bộ Giáo dục - Đào tạo về xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp đối tượng học sinh trên cơ sở giáo dục Chuyên biệt dành cho học sinh khiếm thính, khiếm thị, khuyết tật trí tuệ cấp tiểu học đối với 02 lớp 1.1 và 1.2 trên cơ sở chia nhỏ phù hợp với khả năng của các em; 02 lớp 1, 01 lớp 2 và 01 lớp 3 ghép 4 thực hiện chương trình theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018. Đến cuối học kỳ 1 có 54/54 học sinh được đánh giá hoàn thành kế hoạch giáo dục cá nhân, trong đó tiểu học có 41/41 học sinh hoàn thành kế hoạch giáo dục cá nhân.

- Đầu năm học 2023 - 2024 Phòng Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo các trường rà soát bổ sung những hồ sơ còn thiếu theo yêu cầu của văn bản số 1948/ GD&ĐT ngày 04/11/2014 về Hướng dẫn thực hiện quản lý giáo dục hòa nhập và chuyên biệt; Công văn số 2470/KH-GDĐT ngày 6/11/2023 về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục khuyết tật năm học 2023-2024; Thông tư 03/2018/TT-BGDĐT, ngày 29 tháng 01 năm 2018 Thông tư Quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Từng trường đã căn cứ vào văn bản chỉ đạo để xây dựng Kế hoạch Giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập của đơn vị mình, phối hợp với chính quyền địa phương thống kê, cập nhật thông tin về số lượng trẻ khuyết tật trong độ tuổi từ 0 – 18 tuổi; vận động đưa trẻ ra học hòa nhập vào học chuyên biệt; tiếp nhận trẻ có nhu cầu Giáo dục đặc biệt, phân công giáo viên dạy học sinh khuyết tật học hòa nhập, phân loại theo dạng tật, phân công giáo viên giảng dạy lập Kế hoạch giáo dục cá nhân dựa trên hồ sơ bệnh viện định bệnh của trẻ; sắp xếp lưu trữ hồ sơ, ...Hỗ trợ và miễn, giảm các khoản thu theo quy định của Nhà nước. Tiếp tục vận động các tổ chức xã hội, các tổ chức cá nhân giúp đỡ cho trẻ khuyết tật, chăm lo trang thiết bị, đồ dùng học tập và chăm lo đời sống cho trẻ khuyết tật. Hướng dẫn và tổ chức các chuyên đề cho CBQL và GV các trường có học sinh học hòa nhập. Từng trường đã căn cứ vào văn bản chỉ đạo của Phòng GD&ĐT, kết hợp tình hình thực tế của từng đơn vị và địa phương, cũng như những mặt tích cực và còn hạn chế trong năm học trước để đề ra kế hoạch và tổ chức các hoạt động phù hợp với đơn vị của mình. Tuy nhiên, vẫn còn một vài CBQL chưa tổ chức bàn giao và phân công cho giáo viên ngay đầu năm học, chưa kiểm tra tư vấn điều chỉnh việc xây dựng kế hoạch học tập cá nhân, việc thực hiện kế

hoạch cá nhân, đánh giá những kiến thức đạt được của trẻ theo kế hoạch đã đề ra từ đó có kế hoạch điều chỉnh hoạt động dạy và học của trẻ cho phù hợp.

- Tuy vẫn còn ghép chung với tiểu học về các văn bản pháp lý về hướng dẫn hoạt động chuyên môn nhưng các trường tùy điều kiện của mình đã đảm bảo học sinh đầy đủ các điều kiện học tập, được đối xử bình đẳng như học sinh khác. Qua đó, điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy phù hợp với khả năng từng em. Trên cơ sở đó tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các em có hoàn cảnh khó khăn và trẻ khuyết tật học hoà nhập, không đối xử, phân biệt với các em. Tạo mọi điều kiện cho các em hoạt động vui chơi như những trẻ em khác. Đồng thời nhà trường phối hợp chặt chẽ giữa 3 môi trường giáo dục: Nhà trường – Gia đình – Xã hội để giúp đỡ, hỗ trợ về vật chất và tinh thần nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các em đến lớp và học tập tốt.

- Hỗ trợ SGK cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn: Phòng GDĐT phát SGK của Công ty Sách Phương Nam hỗ trợ cho học sinh khó khăn. Các tổ chức xã hội, các tổ chức cá nhân giúp đỡ cho trẻ khuyết tật, chăm lo trang thiết bị, đồ dùng học tập và chăm lo đời sống cho trẻ khuyết tật.

Đánh giá chung: Việc tổ chức thực hiện dạy học sinh có hoàn cảnh khó khăn và khuyết tật đã đi vào nề nếp, ổn định, góp phần tạo điều kiện cho trẻ khuyết tật được hưởng quyền lợi về học tập vui chơi.

## **9. Thực hiện hiệu quả lớp học linh hoạt, lớp ghép**

- Toàn huyện Cần Giờ có 01 lớp 4 ghép lớp 5, gồm 12 học sinh (lớp 4 có 4 học sinh và lớp 5 có 8 học sinh) tại cơ sở Thiêng Liêng, Trường Tiểu học Thạnh An, Xã đảo Thạnh An.

- Trường đã căn cứ vào các văn bản<sup>15</sup> hướng dẫn, chỉ đạo giáo viên thực hiện song song hai chương trình: Đối với lớp 4 thực hiện CTGDPT 2018 ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và CTGDPT theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ở lớp 5 với yêu cầu giảng dạy, giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh. Nhà trường đã hướng dẫn và chỉ đạo giáo viên dạy lớp ghép trực tiếp xây dựng kế hoạch bài học, căn cứ vào chương trình các môn học đã quy định; lập kế hoạch dạy học và hoạt động các môn học cho cả năm, mỗi học kỳ, từng tháng, từng tuần học phù hợp với các nhóm học sinh trình độ; giáo viên lựa chọn đơn vị kiến thức cơ bản, cần thiết; hình thức tổ chức các nhóm học tập linh hoạt, chọn phương pháp dạy học phù hợp với nội dung bài học, phù hợp với đối tượng, các nhóm trình độ, phù hợp với nhu cầu và hoàn cảnh cụ thể, quan trọng là thực hiện chương trình hợp lý, phù hợp với đối tượng học sinh, sao cho cuối mỗi học kỳ, tất cả học sinh trong mỗi lớp đạt được yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng được quy định tại chương trình Giáo dục phổ thông được ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT và theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT.

<sup>15</sup> Công văn số 5335/BGDĐT-GDTH ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn tổ chức dạy học lớp ghép cấp tiểu học; Căn cứ công văn 4139/SGDĐT-GDĐT ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về việc Hướng dẫn tổ chức dạy học lớp ghép; Căn cứ công văn 1650/GDĐT ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ về việc Hướng dẫn tổ chức dạy học lớp ghép



## 10. Nâng cao hoạt động của thư viện trường học

- Số trường thực hiện mô hình thư viện thân thiện: 15
- Số trường thực hiện mô hình thư viện số: 00
- Số trường thực hiện mô hình thư viện thông minh: 01
- Việc thực hiện đánh giá công nhận danh hiệu thư viện: Thực hiện công tác đánh giá, công nhận thư viện được thực hiện theo thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Các đơn vị thực hiện tốt: Tiểu học Bình Khánh, Tiểu học An Nghĩa, Tiểu học Đồng Hòa, Tiểu học Cần Thạnh 2, Tiểu học Lý Nhơn.

### Nhận xét, đánh giá:

Cơ sở vật chất của thư viện đa số các trường thoáng mát, phòng đọc sắp xếp ngăn nắp, trang thiết bị chuyên dùng cho thư viện tương đối đầy đủ, máy tính có nối mạng internet để hỗ trợ cho việc tìm kiếm tư liệu trong dạy và học của giáo viên và học sinh. Các trường cố gắng từng bước nâng cấp cơ sở vật chất thư viện theo hướng thân thiện, chuẩn hóa, hiện đại hóa, đảm bảo cho việc phục vụ dạy tốt, học tốt. Trang bị thêm tủ, kệ đựng sách, báo, tạp chí ở phòng đọc.

Đa số trường xây dựng kế hoạch và đưa vào hoạt động thư viện với nhiều hình thức và nội dung phong phú như tuyên truyền giới thiệu sách thông qua chào cờ đầu tuần, giới thiệu trên bảng, tuyên truyền sách trong các buổi phát thanh học đường, giờ ra chơi, giới thiệu sách qua thư mục biên soạn, trưng bày,... Xây dựng góc đọc, góc viết, góc nghệ thuật, góc giải trí, góc tin học. Ngoài ra Thư viện còn kết hợp với các đoàn thể trong nhà trường tổ chức nhiều hoạt động, hội thi góp phần vào hoạt động chung của nhà trường thêm sôi động, phong phú đa dạng,...

Song song đó, đối với hoạt động phát triển văn hóa đọc trong nhà trường: Việc này nhằm thúc đẩy phong trào tự học, hình thành thói quen đọc của học sinh; đồng thời khuyến khích các em tìm hiểu, thực hành hoạt động tìm tòi, nghiên cứu các nội dung kiến thức và vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực hành.

### Tồn tại, hạn chế:

- Một số đơn vị đầu tư kinh phí cho mua sách còn ít, tổ chức các hoạt động, sử dụng các nghiệp vụ thư viện chưa được tốt. Chưa chú trọng nhiều đến hoạt động về thư viện xanh, tiết học trên thư viện.
- Ngoài ra, một số đơn vị cần đổi mới cách thức tổ chức và hoạt động thư viện trường học nhằm tạo môi trường thuận lợi cho học sinh tiếp cận thường xuyên với sách bằng nhiều hình thức như “thư viện xanh”, “thư viện thân thiện”, “thư viện điện tử”, ....
- Xã hội hoá các nguồn lực xây dựng thư viện trường học, huy động cha mẹ học sinh, các tập thể, cá nhân tích cực tham gia xây dựng tủ sách lớp học, tủ sách phụ huynh.

## 11. Tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo và giáo dục kỹ năng công dân số



Các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “*Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030*”<sup>16</sup> phù hợp với kế hoạch, đề án triển khai thực hiện tại địa phương.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tập huấn sử dụng cho đội ngũ giáo viên bảo đảm tỉ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến (tổ chức các tiết dạy học, các hoạt động giáo dục, tập huấn, bồi dưỡng, sinh hoạt chuyên môn, hội thảo chuyên môn... bằng hình thức trực tuyến) đạt từ 2% đến 5% ở cấp tiểu học; khuyến khích các cơ sở giáo dục duy trì phương thức dạy học trực tuyến đối với một số môn học, hoạt động giáo dục; chuẩn bị các phương án sẵn sàng đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh không thể tổ chức dạy học trực tiếp.

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin; bồi dưỡng đội ngũ về kĩ năng công nghệ thông tin sẵn sàng triển khai thực hiện các nội dung cụ thể về chuyển đổi số theo kế hoạch.

Xây dựng, phát triển hệ thống thông tin quản lí, trang thông tin điện tử của các đơn vị.

## 12. Xây dựng “Trường học xanh, Lớp học mở”

- Việc thực hiện xây dựng “Trường học xanh, Lớp học mở”:

+ Các đơn vị duy trì và nâng cao chất lượng phong trào “Xanh - Sạch - Đẹp” góp phần tăng thêm vẻ mỹ quan khuôn viên trường học, góp phần thực hiện có hiệu quả nội dung “Trường học xanh hơn - sạch hơn - đẹp hơn và an toàn hơn” trong phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” năm học 2023–2024 với không gian thoáng mát, trường lớp khang trang, học sinh sáng tạo. Tạo cho các em một cảnh quang học tập, thường xuyên rèn luyện và phát huy năng khiếu sở trường yêu thích của chính các em qua các hình ảnh gần gũi và thân thiện tại các thư viện xanh.

+ Các trường xây dựng, tổ chức các tiết dạy theo mô hình *Lớp học mở*, mời cha mẹ học sinh đến lớp cùng tham gia các hoạt động học tập, vui chơi và sinh hoạt của học sinh tại lớp, tham dự các chuyên đề, hoạt động giáo dục của nhà trường; được cha mẹ học sinh đồng tình và hưởng ứng, từ đó tạo sự cảm thông về việc dạy học của thầy cô, tạo sự phối hợp trong dạy và học trên mối quan hệ giữa nhà trường - gia đình - xã hội giúp các em được chăm sóc, theo dõi và giáo dục toàn diện.

- Số trường thực hiện xây dựng “Trường học xanh, Lớp học mở”: 16 đơn vị

- Các đơn vị thực hiện tốt: Bình Khánh, An Thới Đông, An Nghĩa, Thạnh An.

## III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

<sup>16</sup> Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”. Kế hoạch số 2801/KH-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về triển khai tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của Ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 906/KH-GDĐT ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo triển khai tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của Ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030.

## 1. Những kết quả đạt được

Công tác phổ cập giáo dục tiểu học tiếp tục được duy trì. 100% các xã, thị trấn đã đạt chuẩn Quốc gia về PCGDTH và PC GDTH ĐĐT. Các trường đã thực hiện tốt công tác huy động học sinh 6 tuổi trong địa bàn ra lớp.

Có 9/16 trường đạt chuẩn quốc gia;

Phòng Giáo dục và Đào tạo cùng với các trường nghiên cứu, triển khai các kế hoạch, các nội dung tổ chức thực hiện tốt Chương trình giáo dục phổ thông 2018 năm học 2022 – 2023; Các trường tổ chức thực hiện đúng chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo Quyết định số: 16/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các trường tiếp tục thực hiện việc giao quyền chủ động cho nhà trường thực hiện công văn 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03/10/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Các trường cũng đã tổ chức thực hiện văn bản số 1634/GDĐT ngày 7 tháng 10 năm 2019 của phòng Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện chương trình GDPT hiện hành theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh và hoạt động trải nghiệm cho HS tiểu học (thực hiện văn bản số 3445/GDĐT và văn bản 3446/ GDĐT của Sở Giáo dục và Đào tạo).

Trong HKI năm học 2023-2024, thực hiện theo chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo đã hướng dẫn tổ chức giảng dạy, các văn bản Phòng Giáo dục và Đào tạo đã ban hành, các trường Tổ chức triển khai kế hoạch giáo dục theo điều kiện của đơn vị. Chất lượng học sinh được ổn định.

Tất cả các trường tổ chức dạy tiếng Anh Theo chương trình và theo Đề án, Tin học theo chương trình.

### - Về số lượng:

+ Huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1: tỉ lệ:100 %.

+ Duy trì sĩ số đạt: 5236/5236 – tỉ lệ: 100 %.

### - Về mức độ hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất (ở mức tốt và đạt).

Tổng số HS là 5236 HS tham gia đánh giá 5236:

+ Về mức độ hình thành và phát triển **phẩm chất**: 5158/5236 – tỉ lệ: 98.5 %

+ Về mức độ hình thành và phát triển **năng lực**: 5226/5236 HS- tỉ lệ: 98.0 %

- Tổ chức Hội thi “Giáo viên dạy giỏi cấp tiểu học cấp huyện” kết quả:

+ Tổng số dự thi: 117 giáo viên.

+ Kết quả: 101/117 giáo viên - Tỉ lệ: 86,3 % được công nhận Giáo viên dạy giỏi cấp tiểu học cấp huyện” năm học 2023 -2024.

## 2. Một số hạn chế, khó khăn

Giáo viên còn thiếu do chuyển công tác, nghỉ hưu, tinh giản biên chế, đặc biệt ở một số môn như Tin học, Âm nhạc, Mỹ thuật không tuyển dụng được do không có nguồn dự tuyển.

Trong quá trình thực hiện, giáo viên nhà trường được điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp (đây là điểm mới, giao quyền và trách nhiệm cho giáo viên, nhà trường nhiều

hơn), vì vậy giáo viên còn lúng túng, chưa mạnh dạn thực hiện, vẫn thực hiện theo cách cũ.

Các đơn vị chưa mua sắm đầy đủ trang thiết bị tối thiểu lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4. Một số phòng chức năng trong đó phòng dạy tin học xuống cấp rất khó khăn cho việc triển khai chương trình GDPT 2018.

#### **IV. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ ĐẾN KHI KẾT THÚC NĂM HỌC**

##### **1. Kế hoạch tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm**

Rà soát khắc phục những hạn chế trong học kì I.

Tiếp tục thực hiện hoàn tất kế hoạch nhiệm vụ năm học đã đề ra.

Chuẩn bị các điều kiện tiếp tục thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT đối với cấp tiểu học; Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên, CBQL giáo dục về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, đặc biệt Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cho CBQL và GV dạy lớp 4.

Cán bộ quản lý, giáo viên chủ động sáng tạo trong thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo kế hoạch của tổ chuyên môn và kế hoạch của nhà trường; Tích cực tham gia tập huấn đầy đủ và có chất lượng các buổi tập huấn do trường và các cấp quản lý tổ chức; Tham gia sinh hoạt chuyên môn, bồi dưỡng và chủ động trao đổi các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới. Khuyến khích và động viên giáo viên mạnh dạn đổi mới, tiếp cận với xu hướng mới trong việc tổ chức thực hiện nội dung chương trình, đánh giá học sinh.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả bồi dưỡng thường xuyên giáo viên nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp của đội ngũ theo yêu cầu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên các cấp. Xây dựng kế hoạch tổ chức chuyên đề theo kế hoạch của Sở Giáo dục và Đào tạo, theo nhu cầu thực tế của giáo viên.

Tăng cường kiểm tra công tác quản lý của Hiệu trưởng các trường học trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học.

Tiếp tục tổ chức các Hội thi cấp huyện và hướng dẫn hỗ trợ giáo viên, học sinh tham gia các hội thi do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

Các trường và phòng Giáo dục và Đào tạo tiếp tục tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện có hiệu quả quy hoạch hệ thống mạng lưới trường lớp trên địa bàn huyện giai đoạn 2020-2030; Tham mưu Ủy ban nhân dân có kế hoạch đầu tư trang bị hệ thống, thiết bị hiện đại cho các trường để thực hiện dạy tin học trong chương trình GDPT 2018, kết hợp thực hiện đề án tin học; phê duyệt chủ trương mua sắm đầy đủ trang thiết bị tối thiểu cho đơn vị..

Các trường tiếp tục tham mưu, cân đối nguồn ngân sách, huy động nguồn lực của cộng đồng để góp phần tổ chức các hoạt động dạy và học (chú ý đến việc xây dựng, phát triển các thiết bị dạy và học, việc chăm lo cho học sinh nghèo). Đẩy mạnh công tác truyền thông, xã hội hóa giáo dục để huy động sự hỗ trợ, tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng vào các hoạt động giáo dục của nhà trường để có điều kiện thuận lợi tổ chức thực hiện.



## 2. Chuẩn bị các điều kiện tiếp tục triển khai thực hiện CTGDPT 2018

### 2.1. Về đội ngũ giáo viên

Tiếp tục thực hiện rà soát đội ngũ giáo viên từng lớp học, môn học theo lộ trình thực hiện chương trình giáo dục phổ thông, từ đó xây dựng kế hoạch sắp xếp, bố trí, sử dụng hiệu quả đội ngũ hiện có; thực hiện tuyển dụng đối với số giáo viên còn thiếu theo Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về tuyển dụng viên chức năm 2024 và thực hiện tinh giản biên chế phù hợp với đặc thù của trường để đảm bảo số lượng và chất lượng đội ngũ giáo viên thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị quan tâm, tạo điều kiện cho giáo viên tham gia nâng chuẩn được đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

### 2.2. Về cơ sở vật chất

Tiếp tục tham mưu trình UBND huyện phê duyệt chủ trương sửa chữa hệ các đơn vị trường học, các trường thẩm định lại chuẩn quốc gia

Tham mưu kinh phí đầu tư phòng học số, thư viện thông minh cho các trường thực hiện thí điểm.

Phối hợp với các phòng, ban chuyên môn huyện trình Ủy ban nhân dân huyện đầu tư mua sắm thiết bị tối thiểu theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

### 2.3. Về dạy học Ngoại ngữ, Tin học

Tiếp tục chỉ đạo các trường hướng dẫn cho giáo viên phụ trách môn Tin học xây dựng kế hoạch giảng dạy tin học tự chọn cho học sinh. Sắp xếp thời khóa biểu hợp lý, sửa chữa, cải tạo phòng máy để đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ cho việc giảng dạy.

Thực hiện công tác kiểm tra việc thực hiện giảng dạy theo chương trình GDPT 2018 để nắm bắt kịp thời những tồn tại, khó khăn trong công tác giảng dạy của giáo viên, đề xuất nhằm tháo gỡ và giải quyết những kịp thời những khó khăn, hạn chế.

Tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên tham gia các lớp học nâng cao trình độ về năng lực, nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy, đánh giá học sinh theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh.

Trên đây là Báo cáo sơ kết giáo dục cấp Tiểu học năm học 2023-2024./.

(Đính kèm phụ lục HKI Năm học 2023-2024)

#### Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (Phòng GDTiH);
- Ban lãnh đạo ;
- Hiệu trưởng trường TiH, trường CB Cần Thạnh;
- Các thành viên Tổ Tiểu học;
- Các thành viên tổ THCS (P.Long);
- Tổ HC-TH-KH-VT (Đ/c Tín)
- Lưu: VT.



**Trần Thị Hoàng Mai**



**DANH MỤC CÁC VĂN BẢN CHUYÊN MÔN ĐÃ BAN HÀNH  
CỦA PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023 – 2024**

(Đính kèm theo Báo cáo số 7.1, ngày 11 tháng 01 năm 2024 của  
Phòng Giáo dục và Đào tạo)

| STT | Số phát hành               | Ngày phát hành           | Tên loại và trích yếu nội dung                                                                                                                                                           |
|-----|----------------------------|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Kế hoạch số 1094/KH - GDĐT | ngày 6 tháng 7 năm 2023  | về tổ chức mô hình thi điểm vinh danh học sinh tiêu biểu Ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Cần Giờ năm học 2023 - 2024.                                                                    |
| 2   | Quyết định 577/QĐ- GDĐT    | ngày 19 tháng 7 năm 2023 | Về Thành lập Đoàn kiểm tra công tác thư viện cá trường tiểu học và THCS năm học 2022-2023.                                                                                               |
| 3   | Quyết định 577/QĐ- GDĐT    | ngày 19 tháng 7 năm 2023 | Về Thành lập Đoàn kiểm tra công tác thư viện cá trường tiểu học và THCS năm học 2022-2023.                                                                                               |
| 4   | Kế hoạch 1089/KH-GDĐT      | ngày 6 tháng 7 năm 2023  | Về kiểm tra công tác thư viện tại các trường tiểu học THCS năm học 2022-2023.                                                                                                            |
| 5   | Công văn 1271/GDĐT         | ngày 26 tháng 7 năm 2023 | Về tăng cường quản lý dạy thêm học thêm trên địa bàn huyện Cần Giờ.                                                                                                                      |
| 6   | Kế hoạch 1230/KH-GDĐT      | ngày 17 tháng 7 năm 2023 | Về Bồi dưỡng thường xuyên cho CBQL và GV mầm non, phổ thông năm học 2023-2024.                                                                                                           |
| 7   | Công văn 1334/GDĐT         | ngày 8 tháng 8 năm 2023  | Về kiểm tra điều triển khai thực hiện Chương trình GDPT 2018 cấp TH.                                                                                                                     |
| 8   | Báo cáo 1370/BC-GDĐT       | ngày 14 tháng 8 năm 2023 | Về công tác bồi dưỡng, bồi dưỡng bổ sung, đánh giá kết quả bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa lớp 4 và bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa lớp 1, 2, 3 năm học 2023-2024. |
| 9   | Báo cáo 1989/BC-GDĐT       | ngày 21 tháng 8 năm 2023 | Về Kiểm tra điều kiện triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học.                                                                                            |
| 10  | Kế hoạch 2017/KH-GDĐT      | ngày 24 tháng 8 năm 2023 | Về thực hiện Đề án dạy học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân trên địa bàn huyện Cần Giờ Giai đoạn 2020-2025 năm học 2023-2024.                                                  |
| 11  | Thông báo 2018/TB-GDĐT     | ngày 24 tháng 8 năm 2023 | Về Kết luận và chỉ đạo việc thực hiện chuyên đề “Dạy và kiểm tra đánh giá môn Lịch sử và Địa lý theo hướng phát triển năng lực và tích                                                   |



|    |                         |                           |                                                                                                                                                                                                                                                     |
|----|-------------------------|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                         |                           | hợp nội dung GD địa phương TP HCM”.                                                                                                                                                                                                                 |
| 12 | Công văn số 2019/GDĐT   | ngày 24 tháng 8 năm 2023  | Về hướng dẫn tổ chức hoạt động GD STEM trong các cơ sở giáo dục tiểu học.                                                                                                                                                                           |
| 13 | Công văn 2026/GDĐT      | ngày 25 tháng 8 năm 2023  | Về triển khai công văn số 4567/SGDĐT-GDTH ngày 21 tháng 8 năm 2023 hướng dẫn chuyên môn cấp tiểu học năm học 2023-2024                                                                                                                              |
| 14 | Công văn 2039/GDĐT      | ngày 29 tháng 8 năm 2023  | Về hướng dẫn chuyên môn tiếng Anh cấp tiểu học năm học 2023-2024.                                                                                                                                                                                   |
| 15 | Công văn 2047/GDĐT      | ngày 30 tháng 8 năm 2023  | Về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2023-2024.                                                                                                                                                                                |
| 16 | Công văn 2064/GDĐT      | ngày 31 tháng 8 năm 2023  | Về thực hiện công tác công khai theo TT 36/2017/TT-BGDĐT.                                                                                                                                                                                           |
| 17 | Báo cáo 2097/BC-GDĐT    | ngày 8 tháng 9 năm 2023   | Báo cáo Tổng kết công tác kiểm tra thư viện trường học năm học 2022-2023.                                                                                                                                                                           |
| 18 | Kế hoạch 2085/KH-GDĐT   | ngày 6 tháng 9 năm 2023   | Về thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng tin học cho học sinh trên địa bàn huyện Cần Giò theo định hướng chuẩn Quốc tế GD 2020-2023” năm học 2023-2024.                                                                   |
| 19 | Công văn 2119/GDĐT      | ngày 13 tháng 9 năm 2023  | Về Hướng dẫn thực hiện nội dung, hồ sơ thực hiện công tác kiểm tra nội bộ và thực hiện thông báo kết luận kiểm tra năm học 2023-2024.                                                                                                               |
| 20 | Kế hoạch 2230/KH-GDĐT   | ngày 29 tháng 9 năm 2023  | Về Tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi -Tiểu học cấp huyện năm học 2023 – 2024.                                                                                                                                                                      |
| 21 | Thông báo 2235/TB-GDĐT  | ngày 29 tháng 9 năm 2023  | Về kết luận và chỉ đạo của Phó Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo tại Hội nghị Tổng kết năm học 2022-2023 và triển khai thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2023-2024, kết hợp giao ban Hiệu trưởng tiểu học lần thứ nhất năm học 2023-2024. |
| 22 | Công văn 2307/GDĐT      | ngày 11 tháng 10 năm 2023 | Về tổ chức nghiên cứu, góp ý các bản mẫu sách giáo khoa lớp 5.                                                                                                                                                                                      |
| 23 | Quyết định 855/QĐ- GDĐT | ngày 30 tháng 10 năm 2023 | Về thành lập hội đồng chấm thi Hội thi “Giáo viên dạy giỏi tiểu học” năm học 2023-2024                                                                                                                                                              |
| 24 | Thông báo 2429/TB-GDĐT  | ngày 31 tháng 10 năm 2023 | Về Kết luận và chỉ đạo việc thực hiện chuyên đề “Dạy đọc cho học sinh lớp 4 theo hướng phát triển năng lực” năm học 2023-2024 cấp tiểu học.                                                                                                         |



|    |                           |                              |                                                                                                                                 |
|----|---------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 25 | Thông báo<br>2476/TB-GDĐT | ngày 6 tháng<br>11 năm 2023  | Về Kết luận và chỉ đạo việc thực hiện chuyên đề “Dạy học tích hợp nội dung GD Stem vào bài học” năm học 2023-2024 cấp tiểu học. |
| 26 | Kế hoạch<br>2570/KH-GDĐT  | ngày 22 tháng<br>11 năm 2023 | Về tổ chức Ngày hội “Em tập Viết đúng – Viết đẹp”                                                                               |
| 27 | Công văn<br>2619/GDĐT     | ngày 30 tháng<br>11 năm 2023 | Về Một số công tác chuẩn bị cho Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp thành phố năm học 2023 – 2024.                                   |
| 28 | Thông báo<br>2624/TB-GDĐT | ngày 4 tháng<br>12 năm 2023  | Về Kết quả phần thi thực hiện tiết dạy Hội thi giáo viên dạy giỏi -Tiểu học cấp huyện năm học 2023 – 2024.                      |
| 29 | Kế hoạch<br>2625/KH-GDĐT  | ngày 4 tháng<br>12 năm 2023  | Về tổ chức chuyên đề “Dạy Toán theo hướng phát triển năng lực”                                                                  |
| 30 | Kế hoạch<br>2626/KH-GDĐT  | ngày 4 tháng<br>12 năm 2023  | Về tổ chức chuyên đề “Dạy viết cho học sinh lớp 4 theo hướng phát triển năng lực”                                               |
| 31 | Công văn<br>2652/GDĐT     | ngày 4 tháng<br>12 năm 2023  | Về kết luận và chỉ đạo việc thực hiện chuyên đề “Dạy giải Toán theo hướng phát triển năng lực cho học sinh” NH 2023-2024        |
| 32 | Công văn<br>2659/GDĐT     | ngày 7 tháng<br>12 năm 2023  | Về Hướng dẫn tham gia Hội thi giáo viên dạy giỏi -Tiểu học cấp huyện năm học 2023 – 2024 (Phần thi trình bày một biện pháp).    |
| 33 | Công văn<br>2682/GDĐT     | ngày 11 tháng<br>12 năm 2023 | Về kết luận và chỉ đạo việc thực hiện chuyên đề “Dạy viết cho học sinh lớp 4 theo hướng phát triển năng lực”                    |
| 34 | Công văn<br>2697/GDĐT     | ngày 12 tháng<br>12 năm 2023 | Về tổ chức nghiên cứu, góp ý bản mẫu sách giáo khoa lớp 5 môn Hoạt động trải nghiệm                                             |
| 35 | Công văn<br>2751/GDĐT     | ngày 20 tháng<br>12 năm 2023 | Về tổ chức kiểm tra và báo cáo sơ kết học kì I học năm học 2023 - 2024 cấp Tiểu học                                             |
| 36 | Kế hoạch<br>2752/KH-GDĐT  | ngày 20 tháng<br>12 năm 2023 | Về tổ chức chuyên đề “Đổi mới kiểm tra đánh giá môn Toán lớp 4 theo hướng phát triển năng lực HS”                               |
| 37 | Kế hoạch<br>2804/KH-GDĐT  | ngày 29 tháng<br>12 năm 2023 | Về Kiểm tra công tác coi và chấm kiểm tra định kì học kì I - Năm học 2023 - 2024                                                |
| 38 | Báo cáo 11/BC-GDĐT        | ngày 2 tháng<br>01 năm 2024  | Tổng kết tổ chức Hội thi “Giáo viên dạy giỏi cấp tiểu học cấp huyện” Năm học 2023 – 2024                                        |